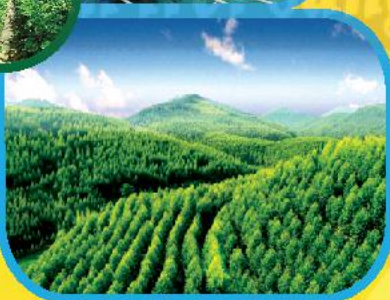




BÙI VĂN HỒNG – NGUYỄN THỊ CẨM VÂN (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HỒNG CHIẾM – NGUYỄN TIẾN LỰC
QUÁCH VĂN THIÊM – NGUYỄN THỊ THUY

Bài tập CÔNG NGHỆ

7



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI VĂN HỒNG – NGUYỄN THỊ CẨM VÂN (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HỒNG CHIẾM – NGUYỄN TIẾN LỰC
QUÁCH VĂN THIÊM – NGUYỄN THỊ THUỶ

Bài tập **CÔNG NGHỆ**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

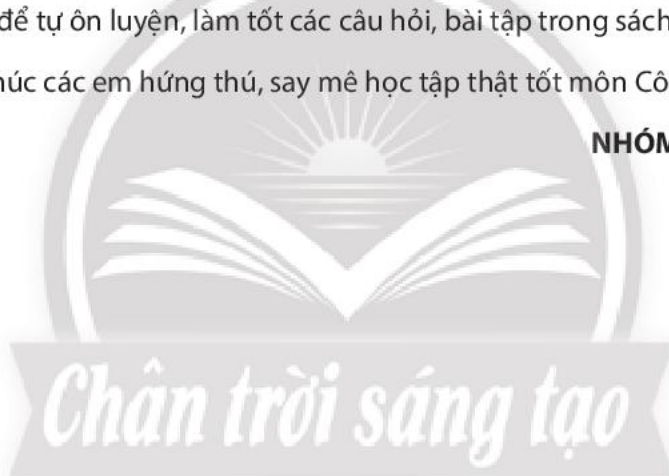
Các em học sinh thân mến!

Sách **Bài tập Công nghệ 7** thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo là tài liệu bổ trợ dùng cho học sinh. Cùng với sách giáo khoa, cuốn sách này sẽ đồng hành với các em trong suốt quá trình học tập môn Công nghệ lớp 7.

Sách với nhiều dạng bài tập giúp các em tự luyện tập, củng cố, khắc sâu kiến thức sau mỗi bài học. Trong khi làm bài tập, các em cần phát huy tính tự lực, tích cực, sáng tạo,... nhớ lại những kiến thức đã được thầy cô giảng dạy để tự ôn luyện, làm tốt các câu hỏi, bài tập trong sách.

Mến chúc các em hứng thú, say mê học tập thật tốt môn Công nghệ.

NHÓM TÁC GIẢ



MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	3
-------------------	---

Phần 1. TRỒNG TRỌT

CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU VỀ TRỒNG TRỌT	5
--------------------------------------	---

Bài 1. Nghề trồng trọt ở Việt Nam	5
---	---

Bài 2. Các phương thức trồng trọt ở Việt Nam	9
--	---

CHƯƠNG 2. TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY TRỒNG	13
---	----

Bài 3. Quy trình trồng trọt	13
-----------------------------------	----

Bài 4. Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành	18
--	----

Bài 5. Trồng và chăm sóc cây cải xanh	21
---	----

Ôn tập Chương 1 và 2	25
----------------------------	----

CHƯƠNG 3. TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG	28
--	----

Bài 6. Rừng ở Việt Nam	28
------------------------------	----

Bài 7. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	32
---	----

Ôn tập Chương 3	38
-----------------------	----

Phần 2. CHĂN NUÔI

CHƯƠNG 4. MỞ ĐẦU VỀ CHĂN NUÔI	41
-------------------------------------	----

Bài 8. Nghề chăn nuôi ở Việt Nam	41
--	----

Bài 9. Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam	44
--	----

CHƯƠNG 5. NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VÀ PHÒNG, TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI ...	47
--	----

Bài 10. Kỹ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	47
--	----

Bài 11. Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn	53
---	----

Ôn tập Chương 4 và 5	58
----------------------------	----

CHƯƠNG 6. NUÔI THỦY SẢN	62
-------------------------------	----

Bài 12. Ngành thủy sản ở Việt Nam	62
---	----

Bài 13. Quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản	65
--	----

Bài 14. Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản	70
---	----

Ôn tập Chương 6	73
-----------------------	----

Phần 1. TRỒNG TRỌT

Chương 1. MỞ ĐẦU VỀ TRỒNG TRỌT

Bài 1. NGHỀ TRỒNG TRỌT Ở VIỆT NAM

1. Quan sát các hình ảnh dưới đây và điền vai trò của trồng trọt trong mỗi hình vào bảng.



a



b



c



d

Hình	Vai trò của trồng trọt đối với đời sống và sản xuất
a	
b	
c	
d	

2. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước những vai trò của trồng trọt đang thể hiện tốt ở địa phương em.

- ☐ Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.
- ☐ Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.
- ☐ Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
- ☐ Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu.

- ☐ Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.
- ☐ Tạo môi trường sống trong lành cho con người.

3. Nối tên các nghề (cột A) với nội dung mô tả (cột B) sao cho phù hợp.

A	B
Nhà trồng trọt	Thực hiện trồng thử nghiệm, hỗ trợ kỹ thuật cho các nhà khoa học trong trồng trọt.
Lao động trồng, thu hoạch lúa	Quản lý, hỗ trợ nghiên cứu; khai thác, bảo tồn tài nguyên và môi trường rừng.
Nhà nuôi cấy mô thực vật	Thực hiện hoạt động trồng, bảo tồn và khai thác rừng.
Kỹ thuật viên trồng trọt (chức năng hỗ trợ)	Nghiên cứu về giống cây trồng, kỹ thuật trồng, chăm sóc cây trồng.
Nhà bệnh học thực vật	Thực hiện các hoạt động để trồng và thu hoạch lúa.
Kỹ thuật viên lâm nghiệp	Nghiên cứu về cách phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng.
Lao động trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ	Nghiên cứu về mô tế bào thực vật để tạo ra giống cây trồng.

4. Quan sát các hình ảnh sau đây và nêu triển vọng của trồng trọt trong mỗi hình.



a.



b.



c.



d.

5. Vì sao phương thức trồng trọt đang chuyển dần sang hướng hình thành các vùng chuyên canh cây trồng?
- Tạo cảnh quan đẹp mắt cho khách du lịch, giúp môi trường xanh, sạch.
 - Do sở thích và khả năng canh tác của người lao động.
 - Do nhu cầu sử dụng sản phẩm cây trồng của người lao động.
 - Tạo thuận lợi cho việc canh tác, ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học kĩ thuật.
6. Hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu để xác định lí do mà trồng trọt ở nước ta cần cơ cấu lại cây trồng theo quy mô lớn.
- Thực hiện mong muốn của các nhà quản lí cây trồng.
 - Giúp tăng số lượng sản phẩm xuất khẩu và nhập khẩu trong nước.
 - Tạo thuận lợi cho việc canh tác, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.
 - Tạo thuận lợi cho hoạt động tham quan, du lịch của địa phương.
7. Quan sát các hình ảnh và đánh dấu (✓) vào cột tương ứng với các nghề trồng trọt được minh họa trong mỗi hình.



a



b



c

Hình	Lao động và chăm sóc rừng lấy gỗ	Nhà nuôi cấy mô	Lao động trồng, thu hoạch chè
a			
b			
c			

8. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước việc làm của người lao động trong lĩnh vực trồng trọt.

☐ Kỹ sư nông nghiệp.

☐ Chọn tạo giống cây trồng.

☐ Chế biến thực phẩm.

☐ Bảo vệ thực vật.

☐ Quản lí đất đai.

☐ Tư vấn làm vườn.

☐ Mua, bán cây kiểng.

9. Nối hình ảnh minh họa công việc (cột A) với những kiến thức, kĩ năng cần thiết để thực hiện công việc (cột B) sao cho phù hợp.



a



b



c

A	B
Hình a	Sử dụng được các máy móc nông nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt.
Hình b	Có kiến thức về bảo vệ cây trồng; phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng.
Hình c	Chăm sóc cây trồng như: bắt sâu, tỉa cành, vun gốc, bón phân.

10. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước các yêu cầu cần đáp ứng của người lao động phù hợp với nghề trong lĩnh vực trồng trọt.

- ☐ Đam mê, yêu thích cây xanh, yêu thiên nhiên.
- ☐ Có kiến thức về cách trồng cây.
- ☐ Có năng khiếu và yêu thích các môn xã hội như môn Ngữ văn, Lịch sử.
- ☐ Thích chăm sóc và quan sát quá trình phát triển của cây.
- ☐ Có năng khiếu và yêu thích các môn tự nhiên như môn Sinh học, Hoá học.

11. Quan sát hình ảnh minh họa hoạt động của các nghề và đánh dấu (✓) vào cột tên nghề tương ứng.



a



b



c

Hình	Lao động trồng, thu hoạch lúa	Lao động, thu hoạch hoa và cây cảnh	Lao động khai thác rừng
a			
b			
c			

12. Nghề trồng trọt nào phổ biến nhất ở địa phương em? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

Bài 2. CÁC PHƯƠNG THỨC TRỒNG TRỌT Ở VIỆT NAM

1. Quan sát các hình ảnh và điền tên nhóm cây trồng tương ứng với mỗi hình.



a.

.....



b.

.....



c.

.....



d.

.....



e.

.....

2. Nối tên cây trồng (cột A) với tên nhóm cây trồng (cột B) sao cho phù hợp.

A
Cây chè
Cây cà rốt
Cây xoài
Cây ngô (bắp)
Cây rau muống
Cây hoa lan

B
Nhóm cây ăn quả.
Nhóm hoa và cây cảnh.
Nhóm cây lương thực.
Nhóm cây công nghiệp.
Nhóm cây lấy củ.
Nhóm cây rau, đỗ các loại.

3. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước những yếu tố quyết định loại cây được trồng phổ biến ở mỗi địa phương.
- ☐ Trình độ canh tác của người nông dân.
 - ☐ Sự tiến bộ khoa học kỹ thuật.
 - ☐ Sở thích của người nông dân.
 - ☐ Điều kiện khí hậu, đất đai từng vùng, miền.
 - ☐ Nhu cầu xuất khẩu và nhập khẩu của sản phẩm.
4. Một trong những định hướng mà ngành trồng trọt hướng tới để khắc phục những tác hại do biến đổi khí hậu (hạn, mặn, lũ lụt,...) là gì?
- A. Tăng diện tích trồng lúa và nuôi trồng thủy sản.
 - B. Giảm diện tích trồng cây ăn quả, cây cảnh.
 - C. Cơ cấu lại cây trồng theo lợi thế vùng, miền.
 - D. Trồng nhiều loại cây trồng trên một diện tích.
5. Hãy điền ưu điểm và nhược điểm của từng phương thức trồng trọt vào bảng sau.

Phương thức trồng trọt	Ưu điểm	Nhược điểm
Trồng độc canh		
Trồng xen canh		
Trồng luân canh		

6. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước những yếu tố ảnh hưởng đến số vụ gieo trồng lúa trong năm ở nước ta.
- ☐ Lượng nước tưới.
 - ☐ Trình độ canh tác.
 - ☐ Mức thu nhập của người lao động.
 - ☐ Khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm không khí, lượng mưa).
 - ☐ Thời gian sinh trưởng của giống cây trồng.
 - ☐ Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm.

7. Hãy quan sát các hình ảnh và điền vào bảng dưới đây lợi ích của việc ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt được thể hiện ở mỗi hình.



a. Phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay



b. Trồng thủy canh



c. Hệ thống tưới tự động

Hình	Lợi ích của việc ứng dụng công nghệ cao
a	
b	
c	

8. Hãy đánh dấu (✓) vào cột ưu điểm hoặc nhược điểm đối với các nội dung về ứng dụng trồng trọt công nghệ cao vào bảng sau.

Ứng dụng trồng trọt công nghệ cao	Ưu điểm	Nhược điểm
Sử dụng hiệu quả diện tích đất trồng.		
Cách li với những yếu tố ảnh hưởng từ môi trường bên ngoài.		
Sản phẩm có giá thành cao.		
Đảm bảo đầy đủ chất dinh dưỡng, ánh sáng và nước.		
Cần vốn lớn để đầu tư cho mô hình trồng trọt công nghệ cao.		
Hệ thống điều khiển tự động làm giảm nhân công và chi phí vận hành.		
Người nông dân cần có kiến thức, kĩ năng về trồng trọt công nghệ cao.		

9. Hãy quan sát các hình ảnh và nêu điểm nhận biết trồng trọt công nghệ cao (nếu có) được thể hiện trong mỗi hình vào chỗ trống dưới đây.



a.

b.

c.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

10. Địa phương em có những phương thức trồng trọt phổ biến nào? Vì sao người ta lại chọn hình thức trồng trọt đó?

.....

.....

.....

.....

Chân trời sáng tạo

Chương 2. TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY TRỒNG

Bài 3. QUY TRÌNH TRỒNG TRỌT

1. Quan sát các hình ảnh và điền tên công việc trong quy trình trồng trọt vào dưới mỗi hình.



.....
.....



.....
.....



.....
.....



.....
.....



.....
.....



.....
.....

2. Nếu đất trồng không được xử lý tốt nguồn phát sinh sâu, bệnh thì vụ mùa sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?
- A. Cây sẽ chết do sinh trưởng, phát triển kém.
 - B. Xuất hiện sâu, bệnh hại phá hoại mùa màng.
 - C. Đất có nhiều cỏ dại, chất độc hại ảnh hưởng đến cây trồng.
 - D. Đất không tơi xốp, thiếu dinh dưỡng cho cây.
3. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước yêu cầu kỹ thuật của các bước chuẩn bị đất trồng.
- ☐ Xác định được diện tích đất trồng.
 - ☐ Dọn sạch cỏ dại và tàn dư cây trồng trong đất.

- ☐ Xác định đủ số lượng hạt giống cho diện tích đất trồng.
- ☐ Đất tơi xốp, bằng mặt và có đủ dinh dưỡng cho cây.
- ☐ Đất có hệ thống thoát nước, tiêu độc.

4. Các công việc làm đất bao gồm

- A. cày, bừa cho đất tơi xốp.
- B. lên luống hoặc đắp mô để trồng cây.
- C. bón phân cho cây trồng và bón vôi để cải tạo đất.
- D. xác định diện tích đất, vệ sinh đất trồng, làm đất và cải tạo đất.

5. Điền thông tin về hạt giống, cây con sẽ chọn để gieo trồng (hoặc cần xử lý mới có thể gieo trồng) vào dưới mỗi hình.



a.
.....



b.
.....



c.
.....



d.
.....

6. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước yêu cầu kỹ thuật của các bước chuẩn bị giống cây trồng.

- ☐ Kích thước hạt giống to, hạt non càng tốt.
- ☐ Kích thước hạt giống đồng đều, không bị sâu, bệnh.
- ☐ Kích thước hạt giống nhỏ, hạt không quá già.
- ☐ Cây con khỏe mạnh, không bị sâu, bệnh.
- ☐ Không cần kiểm tra sâu, bệnh trên cây con trước khi trồng.

- ☐ Tất cả các loại hạt đều được ngâm ủ trước khi gieo trồng.
- ☐ Hạt ngâm ủ nứt mầm hoặc no nước.
- ☐ Số lượng hạt giống càng nhiều càng tốt.
- ☐ Số lượng hạt giống đủ trên diện tích đất trồng.

7. Thời gian ngâm ủ của hạt giống phụ thuộc vào

- A. đặc điểm của giống cây trồng.
- B. chất lượng của hạt giống.
- C. kích thước của hạt giống.
- D. độ đồng đều của hạt.

8. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước phương tiện và cách thức gieo trồng có thể sử dụng khi trồng cây trong chậu.

- ☐ Gieo thủ công.
- ☐ Gieo bằng máy.
- ☐ Gieo vãi.
- ☐ Gieo theo hàng.
- ☐ Gieo vào hốc.

9. Hãy đánh dấu (✓) vào cột tương ứng với nội dung mô tả về các cách thức gieo hạt trong bảng sau.

Nội dung mô tả	Gieo vãi	Gieo theo hàng	Gieo vào hốc
Tạo các lỗ cách đều nhau trên đất trồng và bỏ hạt giống vào lỗ, sau đó phủ lên trên một lớp đất mỏng.			
Tạo các lỗ cách đều nhau trên một hàng và bỏ hạt giống vào lỗ, sau đó phủ lên trên một lớp đất mỏng.			
Rải hạt trên bề mặt đất trồng với mật độ phù hợp. Có thể phủ lên hạt lớp đất mỏng nếu trồng trong chậu.			

10. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước yêu cầu kỹ thuật của các bước gieo trồng.

- ☐ Gieo trồng quanh năm (khi chủ động được nước tưới).
- ☐ Đất gieo trồng đảm bảo luôn khô ráo.

- ☐ Gieo trồng vào thời vụ thích hợp.
- ☐ Gieo hạt theo sở thích của người nông dân.
- ☐ Gieo hạt theo mật độ cây trồng đã xác định.
- ☐ Vùi sâu hạt vào trong đất.

11. Hãy cho biết các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển khác nhau của cây trồng.

.....

.....

12. Hãy chọn yêu cầu kỹ thuật của công việc tưới nước và bón phân khi chăm sóc cây trồng.

- A. Bón nhiều phân, đặc biệt là phân đạm.
- B. Tưới nước, bón phân phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng của cây trồng.
- C. Tưới nước và bón phân cho cây với lượng nhiều hơn nhu cầu của cây trồng.
- D. Tưới nước và bón phân với lượng ít hơn so với nhu cầu của cây trồng.

13. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước những trường hợp cần tỉa, dặm cây sau một thời gian gieo trồng.

- ☐ Khoảng cách giữa các cây quá thưa.
- ☐ Khoảng cách giữa các cây quá dày.
- ☐ Cây yếu, phát triển chậm cần thay thế.
- ☐ Khoảng cách giữa các cây đều nhau.
- ☐ Khoảng cách giữa các cây không đều nhau.

14. Một số biểu hiện của cây trồng thiếu phân bón là

- A. cây còi cọc, kém phát triển, vàng lá, năng suất thấp.
- B. cây có nhiều lá, năng suất thấp.
- C. cây dễ bị côn trùng gây hại.
- D. cây thường ra trái muộn và cành lá sum sê.

15. Có bao nhiêu cách tưới nước cho cây trồng?

- A. 1 cách.
- B. 2 cách.
- C. 3 cách.
- D. 4 cách.

16. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước các công việc chăm sóc cây trồng.

- ☐ Tỉa, dặm cây.
- ☐ Làm cỏ, vun xới.
- ☐ Kiểm tra đất trồng.

- ☐ Bón phân.
- ☐ Tưới nước, tiêu nước.
- ☐ Phòng trừ sâu, bệnh cho cây.

17. Nối tên cây trồng (cột A) với hình thức thu hoạch phổ biến (cột B) sao cho phù hợp.

A
Gừng
Sắn (khoai mì)
Lúa
Cà phê

B
Cắt (gặt).
Hái.
Nhổ.
Đào.

18. Vì sao mỗi loại cây trồng lại có phương pháp thu hoạch khác nhau?

- A. Do đặc điểm của từng loại cây trồng và sở thích thu hoạch của người nông dân.
- B. Do đặc điểm của từng loại cây trồng và nhu cầu sử dụng sản phẩm của con người.
- C. Do nhu cầu sử dụng sản phẩm của con người và giá thành của sản phẩm.
- D. Do nhu cầu xuất khẩu và nhập khẩu của sản phẩm cây trồng.

19. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước hành động bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường khi chăm sóc cây trồng.

- ☐ Sử dụng găng tay khi chăm sóc, bắt sâu cho cây trồng.
- ☐ Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật với nồng độ và liều lượng cao để diệt sâu hại.
- ☐ Sử dụng đồ bảo hộ (quần, áo, kính, khẩu trang,...) khi phun thuốc cho cây trồng.
- ☐ Thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật về đúng nơi quy định.

20. Hãy điền số thứ tự vào chỗ trống sao cho phù hợp với các bước trong quy trình trồng trọt.

- Bước: Gieo trồng.
- Bước: Chuẩn bị đất trồng.
- Bước: Chăm sóc.
- Bước: Thu hoạch.
- Bước: Chuẩn bị giống cây trồng.

Bài 4. NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP GIÂM CÀNH

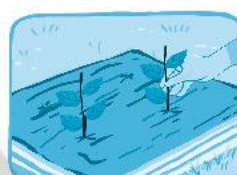
- Nguyên liệu được sử dụng để nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành là gì?
 - Phần gốc có rễ của cây.
 - Phần ngọn cây.
 - Phần lá cây.
 - Phần đoạn thân cây, có chồi (mắt).
- Cho biết tên các công việc nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành được thể hiện trong mỗi hình dưới đây.



a.
.....



b.
.....



c.
.....



d.
.....



e.
.....



f.
.....

- Đoạn cành giâm được cắt như thế nào là đạt yêu cầu?
 - Đoạn cành giâm phải có nhiều lá.
 - Đoạn cành giâm phải ngắn, không có chồi (mắt).
 - Đoạn cành giâm phải có chồi (mắt), được cắt vát và tỉa bớt lá.
 - Đoạn cành giâm cắt dài và tỉa hết lá, không chồi (mắt).
- Đặc điểm của các loại cây được chọn để nhân giống bằng phương pháp giâm cành là gì?
 - Cây có khả năng ra quả nhanh.

- ☐ Lượng đất vừa đủ, thành phần dinh dưỡng phù hợp với cây rau muống.
- ☐ Lượng đất nhiều, thành phần dinh dưỡng phù hợp với mọi loại cây trồng.
- ☐ Lượng đất ít hơn lượng phân bón.
- ☐ Lượng đất nhiều hơn lượng phân bón.

10. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước yêu cầu kĩ thuật khi giâm cành cây rau muống vào đất trồng.

- ☐ Số lượng cành giâm vừa đủ, độ dài cành giâm khoảng 20 – 25 cm, cành già.
- ☐ Số lượng cành giâm vừa đủ, độ dài cành giâm khoảng 15 – 20 cm, cành già.
- ☐ Số lượng cành giâm vừa đủ, độ dài cành giâm khoảng 10 – 20 cm, cành non.
- ☐ Số lượng cành giâm vừa đủ, độ dài cành giâm khoảng 15 – 20 cm, cành không già, không non.
- ☐ Đoạn cành rau muống được giâm thẳng (vuông góc) so với mặt đất trồng.
- ☐ Đoạn cành rau muống được giâm hơi nghiêng (chéch) so với mặt đất trồng.
- ☐ Cắm đầu non của cành giâm vào đất trồng.
- ☐ Cắm đầu già của cành giâm vào đất trồng.

11. Điền từ/ cụm từ thích hợp dưới đây vào chỗ trống.

tưới nước; ánh sáng (nắng); bón phân; phòng trừ; bóng râm; ẩm.

Sau khi giâm cành, đặt chậu cây trong (1) đến khi cây sinh rễ, chồi và chuyển chậu cây ra nơi có nhiều (2) sau khi cây đã lên chồi mới. Phải (3) định kì từ 2 đến 3 lần/ ngày để đất luôn (4) Khi cây thiếu dinh dưỡng cần (5) bổ sung dinh dưỡng để cây phát triển tốt. Thường xuyên theo dõi và (6) sâu, bệnh cho cây trồng.

12. Cây rau muống được thu hoạch khi đạt chiều cao bao nhiêu?

- A. 20 – 30 cm.
- B. 30 – 40 cm.
- C. 40 – 50 cm.
- D. 20 – 50 cm.

13. Mô tả các bước trong quy trình giám canh vào bảng dưới đây.

Bước	Quy trình giám canh
1	
2	
3	
4	

14. Cây con tạo ra từ phương pháp giám canh có đặc điểm gì?

- A. Cây con tạo ra có đặc điểm di truyền khác cây mẹ.
- B. Cây con tạo ra có đặc điểm di truyền giống cây mẹ.
- C. Cây con tạo ra có đặc điểm di truyền của cả cây bố và cây mẹ.
- D. Cây con tạo ra có đặc điểm di truyền giống cây bố.

Bài 5. TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY CẢI XANH

1. Cây cải xanh có thể trồng quanh năm trong điều kiện nào?

- A. Sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.
- B. Trồng ở nơi có mái che, đủ nước tưới và kiểm soát được dịch bệnh.
- C. Có nguồn vốn lớn để đầu tư cho trồng trọt.
- D. Có đủ đất để canh tác và nước tưới cho cây.

2. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước các dụng cụ, nguyên liệu cần chuẩn bị để trồng cây cải xanh trong chậu (thùng xốp).

- ☐ Hạt giống cải xanh.
- ☐ Cây cải xanh đến giai đoạn thu hoạch.
- ☐ Đất trồng và khu vực trồng (thùng xốp).
- ☐ Phân bón.
- ☐ Cuốc, xẻng.
- ☐ Máy làm đất.
- ☐ Thùng tưới, gáo tưới nước.
- ☐ Hệ thống tưới tự động.

3. Bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng cần vứt bỏ ở đâu?
- A. Nơi có bãi rác.
 - B. Nơi có nguồn nước.
 - C. Nơi không có dân cư sinh sống.
 - D. Nơi có thùng chứa theo quy định.
4. Cây cải xanh được trồng như thế nào nhằm thu được sản phẩm sạch và an toàn cho người sử dụng?
- A. Sử dụng nhiều phân bón, ít thuốc hoá học bảo vệ thực vật.
 - B. Sử dụng ít phân bón, ít thuốc hoá học bảo vệ thực vật.
 - C. Sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học.
 - D. Không được sử dụng thuốc bảo vệ thực vật khi cây có sâu, bệnh.
5. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước đặc điểm của cây cải xanh đạt tiêu chuẩn cần thu hoạch.
- ☐ Cây cải xanh không bị sâu, bệnh.
 - ☐ Cây cao khoảng 30 – 40 cm.
 - ☐ Cây có độ tuổi khoảng 30 – 40 ngày.
 - ☐ Lá cải nguyên vẹn, đều màu, có màu hơi vàng.
 - ☐ Lá cải nguyên vẹn, đều màu, có màu xanh đậm.
6. Tác dụng của việc bón vôi cho đất là gì?
- A. Khử mặn.
 - B. Khử phèn.
 - C. Khử chua.
 - D. Khử phèn, khử mặn.
7. Giả sử một thùng trồng cây có chiều dài 40 cm, chiều rộng 30 cm. Nếu khoảng cách giữa các cây 5 cm và giữa các hàng 7 cm, hãy cho biết số lượng cây có thể trồng vào thùng.
-
-
8. Nước ngâm ủ hạt cần được pha theo tỉ lệ nào?
- A. 1 sôi : 2 lạnh.
 - B. 1 sôi : 3 lạnh.
 - C. 2 sôi : 1 lạnh.
 - D. 2 sôi : 3 lạnh.

9. Vì sao khi phun thuốc bảo vệ thực vật cần phải mang trang phục bảo hộ lao động?

.....

.....

.....

.....

.....

10. Khi trồng cải xanh, khoảng cách giữa các cây và các hàng là bao nhiêu?

- A. Khoảng cách giữa các cây khoảng 10 – 12 cm; khoảng cách giữa các hàng khoảng 12 – 15 cm.
- B. Khoảng cách giữa các cây khoảng 10 – 15 cm; khoảng cách giữa các hàng khoảng 15 – 20 cm.
- C. Khoảng cách giữa các cây khoảng 10 – 17 cm; khoảng cách giữa các hàng khoảng 15 – 25 cm.
- D. Khoảng cách giữa các cây khoảng 15 – 17 cm; khoảng cách giữa các hàng khoảng 17 – 25 cm.

11. Cây cải xanh bắt đầu được bón thúc vào lúc nào?

- A. Khi cây vừa bén rễ.
- B. Khi hạt vừa nảy mầm.
- C. Khi cây trồng có được khoảng 2 – 3 lá thật.
- D. Khi cây trồng có được khoảng 3 – 4 lá thật.

12. Cách tưới nước nào sau đây phù hợp với việc trồng cây cải xanh?

- A. 2 ngày mới tưới 1 lần vào buổi sáng.
- B. Tưới 1 lần/ ngày vào buổi sáng.
- C. Tưới 2 lần/ ngày, sáng và chiều.
- D. Tưới thường xuyên bất cứ khi nào thuận tiện.

13. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước cách thu hoạch hợp lý cây cải xanh.

- ☐ Thu hoạch dần.
- ☐ Thu hoạch toàn bộ.
- ☐ Thu hoạch theo nhu cầu.
- ☐ Thu hoạch khi cần sản phẩm để bán.
- ☐ Thu hoạch khi thấy sâu, bệnh xuất hiện.

14. Nối các hình (cột A) với tên cây trồng (cột B) sao cho phù hợp.



a



b



c



d



e



f

A
Hình a
Hình b
Hình c
Hình d
Hình e
Hình f

B
Xà lách mỡ.
Cải thìa.
Cải ngồng.
Xà lách xoăn.
Cải bó xôi.
Cây cải xanh.

Chân trời sáng tạo

ÔN TẬP CHƯƠNG 1 VÀ 2

1. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước vai trò của trồng trọt ở Việt Nam.
 - ☐ Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.
 - ☐ Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
 - ☐ Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.
 - ☐ Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu.
 - ☐ Cung cấp lương thực, thực phẩm cho các nước khác.
 - ☐ Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.
 - ☐ Tạo môi trường sống trong lành cho con người.
 - ☐ Tạo sản phẩm sạch cho cộng đồng.
2. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước các triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam.
 - ☐ Đảm bảo việc làm cho toàn bộ người dân.
 - ☐ Hướng đến việc hình thành các vùng chuyên canh cây trồng.
 - ☐ Áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong trồng trọt.
 - ☐ Tăng cường sản xuất số lượng lớn sản phẩm trồng trọt để làm thức ăn cho vật nuôi và thủy sản.
 - ☐ Chú trọng tiêu chuẩn về chất lượng, thương hiệu cho sản phẩm trồng trọt nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.
3. Em có sở thích và năng khiếu gì phù hợp với nghề trồng trọt?
.....
.....
.....
4. Nước ta có bao nhiêu nhóm cây trồng phổ biến?
 - A. 3 nhóm.
 - B. 4 nhóm.
 - C. 5 nhóm.
 - D. 6 nhóm.
5. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước lí do cây lương thực được trồng nhiều ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.
 - ☐ Do đất phù sa màu mỡ phù hợp cho cây lương thực phát triển, năng suất cao.

- ☐ Do Nhà nước quy định về việc trồng cây lương thực.
- ☐ Do nhiệt độ ổn định, lượng mưa lớn thích hợp với điều kiện phát triển của cây lương thực.
- ☐ Do mạng lưới sông ngòi, kênh, rạch chằng chịt, thuận lợi cung cấp nước tưới cho cây lương thực.
- ☐ Do người dân có kinh nghiệm đối với việc trồng cây lương thực.
- ☐ Do người dân cần lương thực trong cuộc sống hằng ngày.

6. Có bao nhiêu phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam?

- A. 2 phương thức trồng trọt.
- B. 3 phương thức trồng trọt.
- C. 4 phương thức trồng trọt.
- D. 5 phương thức trồng trọt.

7. Hãy cho biết đặc điểm của mô hình trồng trọt công nghệ cao.

.....

.....

.....

8. Hãy chọn thứ tự đúng của các bước trong quy trình trồng cây.

- A. Chuẩn bị giống cây trồng → gieo trồng → chuẩn bị đất trồng → chăm sóc cây trồng → thu hoạch.
- B. Chuẩn bị giống cây trồng → chăm sóc cây trồng → chuẩn bị đất trồng → gieo trồng → thu hoạch.
- C. Chuẩn bị đất trồng → chuẩn bị giống cây trồng → gieo trồng → chăm sóc cây trồng → thu hoạch.
- D. Chuẩn bị đất trồng → gieo trồng → chuẩn bị giống cây trồng → chăm sóc cây trồng → thu hoạch.

9. Hãy kể một số loại cây có thể trồng bằng phương pháp giâm cành ở địa phương. Vì sao địa phương em áp dụng hình thức giâm cành cho loại cây đó?

.....

.....

.....

.....

10. Hãy chọn thứ tự đúng của các bước trong quy trình giâm cành.
- A. Chuẩn bị cành giâm → giâm cành vào giá thể → chuẩn bị giá thể giâm cành → chăm sóc cành giâm.
 - B. Chuẩn bị cành giâm → chuẩn bị giá thể giâm cành → giâm cành vào giá thể → chăm sóc cành giâm.
 - C. Chuẩn bị giá thể giâm cành → giâm cành vào giá thể → chuẩn bị cành giâm → chăm sóc cành giâm.
 - D. Chuẩn bị giá thể giâm cành → chuẩn bị cành giâm → giâm cành vào giá thể → chăm sóc cành giâm.

11. Điền các cụm từ thích hợp dưới đây vào chỗ trống.

chất gây biến đổi gene, kích thích sinh trưởng; đất trồng, nước tưới; thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

Trồng trọt theo phương pháp hữu cơ là sử dụng (1)
..... không chứa chất độc hại, không bị ô nhiễm; sử dụng
(2) có nguồn gốc tự nhiên
(hữu cơ); không sử dụng (3)
để cây phát triển nhanh.

12. Hãy kể tên một số việc làm giúp đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong trồng trọt.

.....
.....
.....
Chân trời sáng tạo

Chương 3. TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG

Bài 6. RỪNG Ở VIỆT NAM

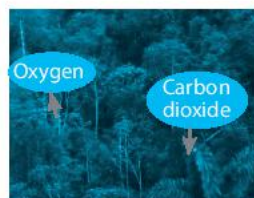
1. Quan sát các hình ảnh sau đây và nêu vai trò của rừng được thể hiện trong mỗi hình.



a



b



c



d



e



f

Hình	Vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất
a	
b	
c	
d	
e	
f	

2. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước tên ngành sản xuất có sử dụng nguyên liệu từ rừng.

- ☐ Ngành sản xuất đồ gỗ xây dựng.
- ☐ Ngành sản xuất bao bì bằng gỗ.
- ☐ Ngành sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ (mây, tre đan).
- ☐ Ngành công nghiệp chế biến (nông sản).

- ☐ Ngành sản xuất dược liệu.
- ☐ Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

3. Điền các từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống sao cho phù hợp với vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất.
- Rừng cung cấp khí (1) cho con người và động vật, thu nhận khí (2) giúp không khí trong lành và góp phần điều hoà khí hậu.
 - Rừng ven biển chống cát, (3) ven biển, che chở cho vùng đất phía trong đất liền.
 - Rừng là nguồn cung cấp (4) để sản xuất các vật dụng cần thiết cho con người.
 - Rừng (5) các hiện tượng xói mòn, sạt lở đất, lũ lụt.
 - Rừng tự nhiên là môi trường (6) các nguồn gene quý hiếm.
4. Quan sát các hình ảnh và chỉ ra những loại rừng dưới đây được gọi tên theo đặc điểm nào của rừng.



Rừng ngập nước

.....
.....



Rừng tre nứa

.....
.....



Rừng nguyên sinh

.....
.....

5. Viết chữ Đ vào sau cách gọi đúng và chữ S vào sau cách gọi sai tên loại rừng được phân loại theo mục đích sử dụng.
- a. Rừng sản xuất.
 - b. Rừng đặc dụng.
 - c. Rừng tràm.
 - d. Rừng phòng hộ.
 - e. Rừng tự nhiên, rừng trồng.

6. Hãy khoanh tròn vào tên gọi đúng của loại rừng ở hình ảnh minh hoạ (có thể có nhiều hơn một lựa chọn).

- A. Rừng trồng khai thác gỗ.
B. Rừng cau dừa.
C. Rừng núi đất.
D. Rừng ngập nước.
E. Rừng thông.



7. Quan sát các hình ảnh và đánh dấu (✓) vào cột ứng với vai trò của rừng trong mỗi hình.



a



b



c

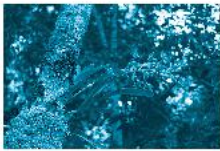
Hình	Phục vụ du lịch	Bảo vệ đất	Sản xuất gỗ
a			
b			
c			

8. Hãy nối tên loại rừng (cột A) với mô tả mục đích sử dụng (cột B) sao cho phù hợp.

A
Rừng phòng hộ
Rừng đặc dụng
Rừng sản xuất

B
Được sử dụng chủ yếu để bảo tồn nguồn gene sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo vệ di tích lịch sử – văn hoá và phục vụ du lịch.
Được sử dụng chủ yếu để khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.
Được sử dụng để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, chống sa mạc hoá, hạn chế lũ lụt.

9. Hãy nối các hình (cột A) với tên sản phẩm thu được từ rừng (cột B) sao cho phù hợp.



a



b



c



d

A
Hình a
Hình b
Hình c
Hình d

B
Hàng thủ công mỹ nghệ từ mây, tre, lá.
Hoa phong lan rừng.
Mật và sáp của ong rừng.
Đồ gia dụng từ gỗ.

10. Quan sát các hình ảnh và đánh dấu (✓) vào cột ứng với mục đích sử dụng của từng loại rừng dưới đây.



a. Rừng phi lao
(đảo Ngọc Vũng,
Quảng Ninh)



b. Rừng Cúc Phương
(thuộc địa phận ba tỉnh
Ninh Bình, Hoà Bình
và Thanh Hoá)



c. Rừng keo trồng
(Đồng Hỷ, Thái Nguyên)

Hình	Rừng đặc dụng	Rừng sản xuất	Rừng phòng hộ
a			
b			
c			

11. Hãy trình bày các chức năng của rừng trồng xung quanh khu dân cư, công nghiệp, đô thị lớn.

.....

.....

12. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước tên các vườn quốc gia ở Việt Nam.

- ☐ Cúc Phương.
- ☐ Nam Cát Tiên.
- ☐ Tràm Chim.
- ☐ Cần Giờ.
- ☐ U Minh Thượng.

Bài 7. TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG

1. Điền các từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

- Ở nước ta, mùa trồng rừng chính ở các tỉnh miền Bắc là mùa xuân và
(1), miền Trung và miền Nam thường trồng rừng vào mùa
(2) Vào các mùa này thời tiết tốt, râm mát, đất
(3) giúp cây con phát triển tốt.

2. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước các ưu điểm của việc trồng rừng bằng cây con.

- ☐ Bộ rễ của cây con được bảo vệ.
- ☐ Cây con không bị thay đổi môi trường sống.
- ☐ Cây có bộ rễ khỏe, sức đề kháng cao.
- ☐ Cây con có tỉ lệ sống cao và phát triển tốt.
- ☐ Bộ rễ của cây con cắm (bám) nhanh vào đất.

3. Hãy nêu nhược điểm của phương pháp trồng rừng bằng cây con.

Trồng rừng bằng cây con có bầu đất:

.....

Trồng rừng bằng cây con rễ trần:

.....

4. Công việc nào dưới đây thuộc giai đoạn chuẩn bị cây con để trồng rừng?
- A. Chuẩn bị phân bón lót cho cây.
 - B. Chọn cây con đủ tiêu chuẩn, sinh trưởng, phát triển tốt.
 - C. Làm sạch cỏ chỗ đào hố trồng cây.
 - D. Tưới nước để cây con sinh trưởng, phát triển tốt.

5. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị đất để trồng cây con đã có rễ.

☐ Làm sạch cỏ.

☐ Làm cho đất bằng phẳng.

☐ Tạo hố trồng cây.

☐ Chặt bỏ các loài dây leo, cây hoang dại.

☐ Lấp hỗn hợp phân bón và đất màu vào hố trồng cây.

☐ Chọn cây con khỏe, đủ tiêu chuẩn.

6. Điền các từ/ cụm từ thích hợp dưới đây vào chỗ trống.

dinh dưỡng, màu, bón lót.

Cho hỗn hợp: phân hữu cơ, super lân, NPK với lớp đất (1) vào hố trồng cây gọi là (2), nhằm cung cấp chất (3) cho cây con khi mới mọc và bén rễ.

7. Điền các từ/ cụm từ thích hợp dưới đây vào chỗ trống.

dinh dưỡng, phân bón, tơi xốp.

Trồng rừng bằng cây con có bầu đất được áp dụng ở những vùng đất xấu, đồi núi trọc. Đất trong bầu đất (1) và chứa (2) cung cấp (3) giúp cây con phát triển tốt.

8. Hãy cho biết việc trồng rừng bằng cây con có bầu đất được thực hiện theo thứ tự nào dưới đây.



a

Rạch bỏ vỏ bầu đất của cây con



b

Lấp và nén đất lần 2



c

Lấp và nén đất lần 1



d

Tạo lỗ trong hố trồng



e

Vun gốc



f

Đặt bầu cây con
vào hố trồng

- A. d → f → a → c → b → e.
 B. d → a → f → c → b → e.
 C. a → d → f → e → b → c.
 D. a → f → c → b → d → e.

9. Nối tên các bước thực hiện (cột A) với tác dụng (cột B) sao cho phù hợp với quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.

A	B
Tạo lỗ trong hố trồng có độ sâu lớn hơn chiều cao bầu đất.	Giúp giữ vững chắc cây trồng.
Rạch bỏ vỏ bầu đất của cây con.	Cung cấp lớp đất có chứa phân bón cho cây.
Lấp và nén đất lần 1.	Giúp rễ phát triển, hấp thụ chất dinh dưỡng.
Lấp và nén đất lần 2.	Để bầu đất không lộ ra ngoài.

10. Hãy gọi tên và nêu tác dụng của từng thao tác kỹ thuật trong quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần được thể hiện trong mỗi hình.



.....

.....

.....



.....

.....

11. Hãy cho biết điểm khác nhau giữa lấp, nén đất lần 1 và lần 2.

– Lần 1:

– Lần 2:

12. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước tác dụng của việc vun đất cao hơn gốc cây.

- ☐ Giữ cho cây vững chắc.
- ☐ Cung cấp đủ dinh dưỡng cho cây con.
- ☐ Không đọng nước ở gốc làm úng cây.
- ☐ Giúp cây phát triển nhanh.
- ☐ Hạn chế sâu, bệnh hại cây rừng sau khi trồng.

13. Hãy viết chữ Đ vào sau hiện tượng/ việc làm đúng và chữ S vào sau hiện tượng/ việc làm sai về nguyên nhân khiến rừng sau khi trồng có tỉ lệ cây chết cao.

- a. Sự phá hoại của thú rừng.
- b. Cỏ dại chen ép ánh sáng của cây rừng mới trồng.
- c. Phát quang diệt cỏ dại.
- d. Không đủ độ ẩm để cây sinh trưởng và phát triển.
- e. Vun đất quanh gốc cây.
- f. Mật độ trồng cây không theo yêu cầu đã quy định.

14. Cần phát quang khi chăm sóc cây rừng mới trồng để

- A. cây con không bị cây hoang dại chen ép.
- B. cây con không gãy đổ khi mưa bão.
- C. bổ sung dinh dưỡng cho cây con.
- D. cung cấp đủ nước cho cây con.

15. Mục đích chăm sóc cây rừng sau khi trồng là gì?
- Giúp cây con có khả năng chịu khô hạn.
 - Giúp cây con có tỉ lệ sống cao, sinh trưởng và phát triển nhanh.
 - Giúp cây con không bị sâu, bệnh hại.
 - Giúp cho rễ của cây con cắm chắc vào đất.
16. Hãy đánh dấu (✓) vào các ô ☐ trước các công việc chăm sóc cây rừng sau khi trồng.
- Làm hàng rào bảo vệ cây rừng mới trồng.
 - Chặt bỏ dây leo, cây dại chèn ép cây rừng.
 - Làm cỏ, xới đất và vun gốc cây.
 - Cắt tỉa, làm thưa bớt cành, lá của cây rừng.
 - Cung cấp phân bón, bổ sung dinh dưỡng cho cây.
 - Lấp và nén đất chặt xung quanh gốc cây.
 - Tưới tiêu, cung cấp đủ nước cho cây rừng.
 - Trồng dặm vào chỗ cây bị chết.
17. Với cây rừng trồng phân tán, người ta làm rào bảo vệ bằng cách nào?
- Trồng cây dừa dại dày bao quanh khu rừng trồng.
 - Làm rào bằng tre, nứa bao quanh khu rừng trồng.
 - Làm rào bằng tre, nứa bao quanh từng cây.
 - Trồng cây dừa dại dày bao quanh từng cây.
18. Nối các hình (cột A) với nguyên nhân có thể làm mất rừng (cột B) sao cho phù hợp.



a



b



c

A
Hình a
Hình b
Hình c

B
Chặt phá rừng.
Cháy rừng.
Lấn chiếm rừng làm nương, rẫy.

19. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước các tài nguyên rừng có thể bị xâm phạm.

- ☐ Cây rừng.
- ☐ Động vật hoang dã quý hiếm.
- ☐ Vật nuôi.
- ☐ Đất rừng.
- ☐ Cây dược liệu quý.
- ☐ Cây lương thực.

20. Hãy giải thích lí do vì sao cần phải bảo vệ rừng.

.....

.....

.....

.....

21. Điền các từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống để mô tả các biện pháp bảo vệ rừng.

Nghiêm cấm mọi hành động (1) rừng, gây
(2) rừng, lấn chiếm rừng và đất rừng; săn bắt, mua bán,
vận chuyển, cất giữ (3) cũng như các loài (4)
rừng bị cấm khai thác, săn bắt.

22. Vì sao cần nén đất 2 lần khi trồng rừng bằng cây con?

- A. Để rễ phát triển thuận lợi hơn.
- B. Để đảm bảo gốc cây được giữ chặt, không bị đổ.
- C. Để cây hút được nhiều chất dinh dưỡng.
- D. Để rễ cây không bị ngập úng.

23. Hãy viết chữ Đ vào sau ý đúng và chữ S vào sau ý sai về điểm giống nhau trong quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần và trồng rừng bằng cây con có bầu đất.

- a. Tạo lỗ trong hố trồng.
- b. Rạch bỏ vỏ bầu đất của cây con.
- c. Đặt bầu cây con vào hố trồng.
- d. Lấp và nén đất lần 1.
- e. Lấp và nén đất lần 2.
- f. Vun gốc.

24. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước các công việc em có thể làm để phát triển, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.

- ☐ Tham gia phong trào “Tết trồng cây” ở địa phương.
- ☐ Chăm sóc và bảo vệ cây xanh ở khu phố, địa phương.
- ☐ Chặt cây xanh ở khu đô thị, nơi công cộng.
- ☐ Tuyên truyền bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.
- ☐ Ngăn cản những hành động phá hoại cây xanh ở khu đô thị.
- ☐ Tận dụng khoảng trống quanh gốc cây xanh đô thị.

25. Hãy kể tên những hoạt động bảo vệ rừng trong nước hiện nay mà em biết.

.....

.....

.....

.....

.....

ÔN TẬP CHƯƠNG 3

1. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất.

- ☐ Cung cấp khí oxygen cho con người và động vật.
- ☐ Cung cấp sức kéo như trâu, bò, ngựa,... phục vụ tham quan du lịch.
- ☐ Hạn chế các hiện tượng xói mòn, sạt lở đất, lũ lụt.
- ☐ Cung cấp nguyên liệu (mây, tre đan) cho sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
- ☐ Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp nặng.

2. Rừng phòng hộ có chức năng chính là gì?

- A. Bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất.
- B. Bảo tồn nguồn gene sinh vật rừng.
- C. Cung cấp gỗ.
- D. Phục vụ nghiên cứu khoa học.

3. Chức năng chính của rừng đặc dụng là gì?
- A. Chống xói mòn, hạn chế lũ lụt.
 - B. Phục vụ du lịch.
 - C. Cung cấp lâm sản ngoài gỗ.
 - D. Chống sa mạc hoá.
4. Chức năng chính của rừng sản xuất là gì?
- A. Bảo vệ di tích lịch sử – văn hoá.
 - B. Bảo tồn rừng nguyên sinh.
 - C. Cung cấp gỗ và các lâm sản ngoài gỗ.
 - D. Chắn gió, chắn cát bay.
5. Hãy điền số thứ tự vào chỗ trống sao cho phù hợp với các bước trong quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.
- Bước: Đặt bầu cây con vào giữa hố trồng.
- Bước: Lấp đất kín cổ rễ cây.
- Bước: Tạo lỗ trong hố trồng.
- Bước: Vun gốc.
- Bước: Rạch bỏ vỏ bầu đất của cây con.
6. Thứ tự đúng của quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần là:
- A. Tạo lỗ trong hố trồng → đặt cây con vào hố → nén đất → lấp đất kín gốc cây → vun gốc.
 - B. Tạo lỗ trong hố trồng → đặt cây con vào hố → lấp đất kín gốc cây → nén đất → vun gốc.
 - C. Tạo lỗ trong hố trồng → nén đất → lấp đất kín gốc cây → đặt cây con vào hố → vun gốc.
 - D. Tạo lỗ trong hố trồng → lấp đất kín gốc cây → đặt cây con vào hố → nén đất → vun gốc.
7. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước các công việc giống nhau của trồng rừng bằng cây con có bầu đất và trồng rừng bằng cây con rễ trần.
- ☐ Lấp và nén đất.
 - ☐ Tạo lỗ trong hố đất.
 - ☐ Rạch bỏ vỏ bầu đất.
 - ☐ Vun gốc cây.
 - ☐ Đặt cây con vào hố đất.

8. Hãy viết chữ Đ vào sau các việc làm đúng, viết chữ S vào sau các việc làm sai về chăm sóc rừng sau khi trồng.

- a. Xới đất, vun gốc.
- b. Phát quang.
- c. Lấp đất kín gốc cây.
- d. Tỉa và dặm cây.
- e. Nén đất.
- f. Bón phân.
- g. Làm rào bảo vệ.

9. Hãy nêu tác dụng các công việc chăm sóc cây rừng sau khi trồng vào bảng dưới đây.

Công việc	Tác dụng
Làm rào bảo vệ	
Bón phân cho cây rừng	
Tỉa và dặm cây	
Bón phân	

10. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước các biện pháp thích hợp để bảo vệ tài nguyên rừng và đất rừng.

- ☐ Tích cực tuyên truyền về bảo vệ tài nguyên rừng và đất rừng.
- ☐ Chủ động thực hiện các phương án phòng cháy, chữa cháy rừng.
- ☐ Trồng các loại cây lương thực, dược phẩm trên vùng đất rừng.
- ☐ Nghiêm cấm mọi hành động phá rừng, gây cháy rừng, lấn chiếm đất rừng.
- ☐ Săn bắt, mua bán, vận chuyển các loài động vật rừng.

Phần 2. CHĂN NUÔI

Chương 4. MỞ ĐẦU VỀ CHĂN NUÔI

Bài 8. NGHỀ CHĂN NUÔI Ở VIỆT NAM

- Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ xác định vai trò của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam.
 - ☐ Cung cấp thực phẩm cho con người.
 - ☐ Cung cấp sức kéo phục vụ tham quan, du lịch.
 - ☐ Cung cấp lương thực cho con người.
 - ☐ Cung cấp nguyên liệu (da, lông, sừng) cho ngành công nghiệp nhẹ.
 - ☐ Cung cấp phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp.
 - ☐ Cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ.
- Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước tên sản phẩm của ngành chăn nuôi.
 - ☐ Thịt gà.
 - ☐ Thịt bò.
 - ☐ Sữa đậu nành.
 - ☐ Trứng vịt.
 - ☐ Nấm rơm.
 - ☐ Da cá sấu.
 - ☐ Sữa dê.
- Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước triển vọng của ngành chăn nuôi ở Việt Nam.
 - ☐ Chăn nuôi hữu cơ.
 - ☐ Phát triển chăn nuôi nông hộ.
 - ☐ Phát triển chăn nuôi trang trại.
 - ☐ Công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
 - ☐ Liên kết giữa các khâu chăn nuôi, giết mổ và phân phối.
 - ☐ Người lao động chăn nuôi tự phối trộn thức ăn chăn nuôi.

4. Ghép tên nghề chăn nuôi (cột A) với đặc điểm cơ bản của nghề đó (cột B) cho phù hợp.

A	B
Nhà chăn nuôi	Tổ chức và thực hiện các hoạt động chăn nuôi.
Nhà tư vấn nuôi trồng thủy sản	Nghiên cứu về giống vật nuôi.
Bác sĩ thú y	Hỗ trợ kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc cho thủy sản.
Kĩ thuật viên nuôi trồng thủy sản	Nghiên cứu và tư vấn để cải tiến các kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc cho thủy sản.
Lao động chăn nuôi	Chẩn đoán, điều trị và tiêm phòng bệnh cho vật nuôi.

5. Đánh dấu (✓) vào bảng bên dưới để xác định sự phù hợp của bản thân với các nghề trong lĩnh vực chăn nuôi.

Năng khiếu, sở thích	Có	Không
Có năng khiếu trong lĩnh vực sinh học, hoá học (môn Khoa học tự nhiên).		
Yêu động vật.		
Thích học, nghiên cứu về đời sống, sự phát triển của động vật.		
Thích quan sát, theo dõi các thí nghiệm trên động vật.		
Yêu thích việc nghiên cứu và chữa bệnh cho vật nuôi.		
Thích nuôi dưỡng gia cầm, gia súc.		
Thích tham gia các nhóm, câu lạc bộ ngoại khoá về nuôi dưỡng động vật.		

6. Ghi chữ Đ vào sau mô tả đúng và chữ S vào sau mô tả sai về yêu cầu của nghề chăn nuôi đối với người lao động.
- Kiến thức về quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi.
 - Kiến thức về đặc điểm sinh trưởng của loài vật nuôi.
 - Kiến thức về mua bán và phân phối sản phẩm chăn nuôi.
 - Kĩ năng thiết kế, xây dựng chuồng nuôi.
 - Kĩ năng nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.
 - Kĩ năng sử dụng các thiết bị, dụng cụ trong lĩnh vực chăn nuôi.

7. Nối hình ảnh sản phẩm (cột A) với tên nguyên liệu dùng để sản xuất (cột B) cho phù hợp.



a



b



c

A
Hình a
Hình b
Hình c

B
Sừng của vật nuôi (trâu, bò).
Lông của vật nuôi (cừu, gà, vịt).
Da của vật nuôi (trâu, bò).

8. Hình bên đang minh họa cho biện pháp chăn nuôi nào?

- A. Chăn nuôi nông hộ.
- B. Chăn nuôi hữu cơ.
- C. Tự chế biến, cung cấp thức ăn cho vật nuôi.
- D. Liên kết các khâu chăn nuôi, giết mổ, chế biến.



9. Ứng dụng công nghệ trong quản lý vật nuôi có lợi ích gì?

- A. Theo dõi được hoạt động thường ngày của người lao động chăn nuôi.
- B. Quản lý được đàn vật nuôi với quy mô nhỏ, số lượng vật nuôi ít.
- C. nắm được tình trạng địa hình nơi đang thả đàn vật nuôi.
- D. Theo dõi được tình trạng sức khỏe, chu kì sinh sản,... của vật nuôi.

10. Hình bên đang minh họa cho biện pháp chăn nuôi nào?

- A. Chăn nuôi trang trại.
- B. Chăn nuôi an toàn sinh học.
- C. Ứng dụng công nghệ trong quản lý vật nuôi.
- D. Liên kết các khâu chăn nuôi, giết mổ, phân phối.



Bài 9. MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI Ở VIỆT NAM

1. Nối hình ảnh (cột A) với tên của gia súc ăn cỏ (cột B) cho phù hợp.



a



b



c



d

A
Hình a
Hình b
Hình c
Hình d

B
Bò vàng Việt Nam.
Bò lai Sind.
Bò sữa Hà Lan.
Trâu Việt Nam.

2. Vì sao gia súc ăn cỏ được nuôi nhiều ở khu vực Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên? Hãy viết chữ Đ vào sau giải thích đúng và chữ S vào sau giải thích sai dưới đây:

- Có đồng cỏ tự nhiên thuận lợi để chăn thả gia súc ăn cỏ.
- Có nguồn thức ăn dồi dào cung cấp cho gia súc ăn cỏ.
- Có nguồn nước để xử lí chất thải chăn nuôi.
- Điều kiện khí hậu hạn chế phát sinh dịch bệnh ở gia súc ăn cỏ.
- Phần lớn hộ nông dân thích chăn nuôi gia súc ăn cỏ.

3. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước tên giống gia súc ăn cỏ được nuôi phổ biến ở Việt Nam.

☐ Bò vàng Việt Nam.

☐ Vịt xiêm.

☐ Lợn ỉ.

☐ Trâu Việt Nam.

☐ Bò lai Sind.

4. Hãy so sánh đặc điểm ngoại hình của lợn Landrace và lợn Yorkshire, sau đó điền vào bảng bên dưới.

Đặc điểm ngoại hình	Lợn Landrace	Lợn Yorkshire
Giống nhau	– Thân: – Màu da, màu lông: –	
Khác nhau	– Tai: –	– Tai: –

5. Để phân biệt các giống gia cầm, ta dựa vào các đặc điểm nào?
- Khả năng đề kháng dịch bệnh của gia cầm.
 - Đặc điểm ngoại hình, tầm vóc, màu lông.
 - Khả năng sinh trưởng và phát triển.
 - Khả năng sinh sản.
6. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước tên các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta.
- ☐ Chăn thả.
☐ Chăn nuôi nông hộ.
☐ Nuôi nhốt.
☐ Bán chăn thả.
☐ Chăn nuôi truyền thống.
7. Những loại vật nuôi nào phù hợp với phương thức chăn nuôi chăn thả?
- Trâu, bò.
 - Lợn.
 - Tằm.
 - Thỏ.
8. Những loại vật nuôi nào phù hợp với phương thức nuôi công nghiệp?
- Gà, vịt, lợn.
 - Trâu, bò.
 - Ông.
 - Cừu, dê.
9. Hãy viết chữ Đ vào sau phát biểu đúng và chữ S vào sau phát biểu sai về đặc điểm chăn nuôi theo phương thức chăn thả.
- Vật nuôi đi lại tự do và tự kiếm thức ăn.
 - Kỹ thuật chăn nuôi đơn giản.
 - Vật nuôi sử dụng thức ăn do người chăn nuôi cung cấp.
 - Phụ thuộc vào nguồn thức ăn có trong tự nhiên.
 - Không có chuồng trại cho vật nuôi.

10. Điền các từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

Khi chăn nuôi theo phương thức nuôi nhốt (nuôi công nghiệp), người chăn nuôi cần đầu tư về (1), (2), phương tiện và kĩ thuật chăn nuôi. Theo phương thức chăn nuôi này, vật nuôi sử dụng (3), nước uống do người chăn nuôi (4) và được (5) dịch bệnh.

11. Phương thức chăn nuôi bán chăn thả có đặc điểm gì?

- A. Vật nuôi đi lại tự do, không có chuồng trại.
- B. Vật nuôi tự kiếm thức ăn có trong tự nhiên.
- C. Vật nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp kết hợp thức ăn tự tìm kiếm.
- D. Vật nuôi chỉ sử dụng thức ăn, nước uống do người chăn nuôi cung cấp.

12. Nối hình ảnh (cột A) với tên phương thức chăn nuôi (cột B) cho phù hợp.



a



b



c

A
Hình a
Hình b
Hình c

B
Bán chăn thả.
Chăn thả.
Nuôi nhốt.

13. Nêu các ưu điểm và nhược điểm của mỗi phương thức chăn nuôi vào bảng bên dưới.

	Phương thức chăn nuôi		
	Chăn thả	Nuôi nhốt	Bán chăn thả
Ưu điểm			
Nhược điểm			

Chương 5. NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VÀ PHÒNG, TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI

Bài 10. KỸ THUẬT NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC VẬT NUÔI

1. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của vật nuôi.
- ☐ Nuôi dưỡng vật nuôi.
 - ☐ Chăm sóc vật nuôi.
 - ☐ Chiều cao chuồng nuôi.
 - ☐ Phòng, trị bệnh cho vật nuôi.
 - ☐ Loại cây trồng lấy bóng mát cho bãi chăn thả.

2. Viết chữ Đ vào sau việc làm đúng và chữ S vào sau việc làm sai khi nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

- a. Tắm, chải hàng ngày cho vật nuôi.
- b. Luôn giữ vệ sinh sạch sẽ ở chuồng nuôi.
- c. Sơn màu trắng cho tường của chuồng nuôi.
- d. Cung cấp thức ăn đủ dinh dưỡng cho vật nuôi.
- e. Sử dụng loại máng ăn của vật nuôi bằng inox.
- f. Thực hiện phòng, trị bệnh cho vật nuôi theo định kì.

3. Điền từ/ cụm từ thích hợp dưới đây vào chỗ trống.

kháng thể, tiêu diệt, miễn dịch, vaccine.

Khi đưa (1) vào cơ thể vật nuôi khoẻ mạnh (tiêm, nhỏ mắt, nhỏ mũi, uống), cơ thể vật nuôi sẽ phản ứng lại bằng cách sản sinh ra (2) chống lại tác nhân gây bệnh. Khi bị mầm bệnh xâm nhập, cơ thể vật nuôi có khả năng (3) mầm bệnh, giúp vật nuôi khó bị mắc bệnh (gọi là vật nuôi đã có khả năng (4)).

4. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước đặc điểm cơ thể của vật nuôi non.

- ☐ Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh.
- ☐ Chức năng của hệ tiêu hoá chưa hoàn chỉnh.
- ☐ Có sức khoẻ và sức đề kháng khá tốt.

- ☐ Chức năng miễn dịch chưa tốt.
- ☐ Sức đề kháng kém hơn so với vật nuôi trưởng thành.

5. Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non như thế nào?

- A. Ảnh hưởng đến khả năng giữ ấm, miễn dịch của vật nuôi non.
- B. Ảnh hưởng đến khả năng bú sữa mẹ của vật nuôi non.
- C. Ảnh hưởng đến khả năng vận động của vật nuôi non.
- D. Ảnh hưởng đến thời gian vật nuôi non ngủ trong ngày.

6. Hãy nêu một ví dụ về ảnh hưởng của đặc điểm cơ thể đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non.

.....

.....

.....

7. Nối hình ảnh (cột A) với vai trò của công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non (cột B) cho phù hợp.



a



b



c



d



e



f

A	B
Hình a	Cung cấp dinh dưỡng, kháng thể từ sữa mẹ, giúp cơ thể vật nuôi chống lại bệnh tật.
Hình b	Phòng bệnh cho vật nuôi non.
Hình c	Giữ vệ sinh chuồng nuôi.
Hình d	Sưởi ấm, giúp cơ thể vật nuôi không bị nhiễm lạnh.
Hình e	Bổ sung thêm dinh dưỡng để vật nuôi non phát triển tốt.
Hình f	Giúp vật nuôi vận động khoẻ mạnh.

8. Cần nuôi dưỡng và chăm sóc như thế nào để vật nuôi non khỏe mạnh, phát triển và kháng bệnh tốt?
- A. Cung cấp thức ăn có đủ năng lượng, protein, vitamin và chất khoáng.
 - B. Kiểm tra định kì thể trọng, tinh dịch của vật nuôi.
 - C. Thường xuyên tắm, chải cho vật nuôi non.
 - D. Cung cấp đủ calcium và các chất dinh dưỡng để tạo trứng.
9. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước vai trò của vật nuôi được giống đối với sự phát triển của đàn.
- ☐ Giúp đàn con có cân nặng đồng đều.
 - ☐ Giúp vật nuôi lớn nhanh, phát triển tốt.
 - ☐ Giúp đàn vật nuôi thích nghi với điều kiện sống.
 - ☐ Giúp đàn con sinh ra có khả năng kháng bệnh cao.
 - ☐ Giúp rút ngắn thời gian nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.
10. Mục đích của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi được giống là gì?
- A. Để đàn con có tỉ lệ sống cao đến lúc cai sữa.
 - B. Để đàn con dễ thích nghi với điều kiện sống.
 - C. Để vật nuôi có khả năng phối giống cao, đàn con khỏe mạnh.
 - D. Để hệ tiêu hoá của vật nuôi được giống phát triển hoàn thiện.
11. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước yêu cầu đối với vật nuôi được giống là lợn, bò, dê.
- ☐ Cơ thể cân đối, rắn chắc, không béo quá hay gầy quá.
 - ☐ Có sức đề kháng cao.
 - ☐ Tăng trọng tốt.
 - ☐ Có số lượng và chất lượng tinh dịch tốt.
 - ☐ Dễ nuôi, chịu ăn uống kham khổ.
12. Đối với gà, vịt, con trống cần đạt tiêu chuẩn như thế nào?
- A. Lông óng mượt, màu sắc sỡ.
 - B. Cơ thể không quá béo hay quá gầy, nhanh nhẹn.
 - C. Chức năng miễn dịch tốt.
 - D. Tăng trọng tốt.

13. Điền vai trò của các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi được giống vào bảng dưới đây.

Công việc	Vai trò
Cung cấp thức ăn đủ năng lượng, protein, vitamin và chất khoáng (kẽm, mangan, iod).	
Giữ vệ sinh chuồng trại và tắm, chải cho vật nuôi.	
Tiêm phòng định kì.	
Kiểm tra định kì thể trọng và tinh dịch.	
Cho vật nuôi được giống vận động hằng ngày.	

14. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước nhiệm vụ của vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn nuôi con.

- ☐ Tiết nhiều sữa có chất lượng tốt để nuôi con.
☐ Nuôi con khỏe mạnh.
☐ Vật nuôi non không phát sinh các bệnh về hô hấp.
☐ Bảo vệ đàn con tránh nguy hiểm từ các loài vật nuôi khác.
☐ Nuôi con có tỉ lệ sống cao.

15. Đối với lợn, bò, dê, yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản là gì?

- A. Cơ thể không béo quá hay gầy quá.
B. Sữa đủ để nuôi con và có thành phần dinh dưỡng tốt.
C. Có chức năng miễn dịch tốt, sức đề kháng cao.
D. Cơ thể khỏe mạnh, nhanh nhẹn.

16. Viết chữ Đ vào sau việc làm đúng và chữ S vào sau việc làm sai để phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi.

- a. Tiêm phòng và điều trị bệnh kịp thời.
b. Cung cấp thức ăn đủ dinh dưỡng.
c. Cho vật nuôi vận động thường xuyên.
d. Thường xuyên tắm, chải, vệ sinh cho vật nuôi.

17. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước tác dụng của việc chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.

- ☐ Tác động mạnh đến sự sinh trưởng, phát triển của vật nuôi.
- ☐ Giúp hoàn thiện chức năng tiêu hoá của vật nuôi non.
- ☐ Làm tăng khả năng miễn dịch của đàn vật nuôi.
- ☐ Đàn con có tỉ lệ sống cao.
- ☐ Đàn con được cung cấp thức ăn đủ dinh dưỡng từ nguồn sữa mẹ.

18. Giải thích vai trò của các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản vào bảng dưới đây.

Công việc	Vai trò
Cho vật nuôi vận động phù hợp.	
Tắm, chải, vệ sinh chuồng trại và dụng cụ cho ăn.	
Theo dõi và chăm sóc kịp thời khi vật nuôi đẻ.	
Tiêm phòng định kì.	

19. Đánh dấu (✓) vào sau việc làm phù hợp và dấu (X) vào sau việc làm không phù hợp khi chăm sóc vật nuôi cái trong giai đoạn sinh sản.

- a. Cho vật nuôi vận động phù hợp.
- b. Thắp đèn trong chuồng để giữ ấm cơ thể vật nuôi.
- c. Vệ sinh thân thể vật nuôi, chuồng trại chăn nuôi.
- d. Theo dõi và chăm sóc khi vật nuôi đẻ.
- e. Tiêm phòng, điều trị bệnh kịp thời cho vật nuôi.
- f. Xây dựng chuồng nuôi gần khu vực người ở.

20. Nêu những ảnh hưởng của môi trường sống và vệ sinh thân thể đến vật nuôi vào bảng dưới đây.

Môi trường sống và vệ sinh thân thể	Ảnh hưởng đến vật nuôi
Chuồng được giữ vệ sinh, khô ráo, sạch sẽ.	

Chuồng không đảm bảo vệ sinh.	
Vệ sinh thân thể kém.	
Thường xuyên tắm, chải, vệ sinh thân thể cho vật nuôi.	

21. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước câu trả lời cho câu hỏi: Chất thải và rác thải trong chăn nuôi ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của con người như thế nào?
- ☐ Gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí.
- ☐ Gây ra một số bệnh hô hấp, bệnh ngoài da ở người.
- ☐ Ảnh hưởng đến tâm trạng (buồn, vui,...) của con người.
- ☐ Ảnh hưởng đến môi trường sống của tôm, cua, cá.
- ☐ Làm gia tăng số người mắc bệnh béo phì.
22. Viết chữ Đ vào sau phát biểu đúng và chữ S vào sau phát biểu sai về yêu cầu vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.
- a. Chuồng nuôi có nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, không khí thích hợp.
- b. Cửa chuồng nuôi hướng tây, kiểu chuồng nuôi đảm bảo kín gió.
- c. Thường xuyên tắm, chải, vệ sinh thân thể cho vật nuôi.
- d. Chuồng được giữ vệ sinh, khô ráo, sạch sẽ.
- e. Thức ăn và nước uống của vật nuôi được cung cấp đầy đủ.
- f. Xử lý phân và rác thải chăn nuôi.
23. Chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi có ảnh hưởng như thế nào đến vật nuôi?
- A. Vật nuôi khỏe mạnh, phát triển toàn diện.
- B. Vật nuôi thích nghi với điều kiện sống.
- C. Vật nuôi dễ dàng tiêu thụ thức ăn.
- D. Vật nuôi phát triển cân đối về ngoại hình.

24. Hãy đánh dấu (✓) vào cột tương ứng với công việc chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi ở gia đình mà em quan sát được.

Công việc	Có	Không
Cung cấp thức ăn đủ năng lượng và dinh dưỡng.		
Tắm, chải cho vật nuôi thường xuyên.		
Tiêm vaccine định kì cho vật nuôi.		
Phát hiện kịp thời khi vật nuôi mắc bệnh.		
Nhanh chóng cách li khi vật nuôi bị bệnh.		
Vệ sinh chuồng trại và dụng cụ cho ăn hằng ngày.		

Bài 11. KỸ THUẬT CHĂN NUÔI GÀ THỊT THẢ VƯỜN

- Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước các bước cần thực hiện khi chăn nuôi.
 - ☐ Chọn giống và con giống.
 - ☐ Chuẩn bị chuồng trại và xây dựng bãi chăn thả.
 - ☐ Tham khảo giá cả của con giống.
 - ☐ Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.
 - ☐ Sản xuất thức ăn cho vật nuôi.
 - ☐ Phòng và trị bệnh cho vật nuôi.
- Quan sát các hình ảnh dưới đây và khoanh tròn vào trình tự sắp xếp hợp lí các công việc chăn nuôi.



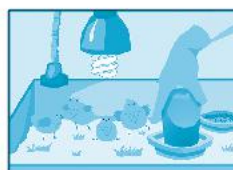
a



b



c



d

- Hình a → Hình b → Hình c → Hình d.
- Hình b → Hình a → Hình c → Hình d.
- Hình a → Hình b → Hình d → Hình c.
- Hình c → Hình b → Hình d → Hình a.

3. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước công việc cần làm để đàn vật nuôi phát triển khỏe mạnh.

- ☐ Cung cấp thức ăn đủ dinh dưỡng cho vật nuôi.
- ☐ Tiêm phòng bệnh định kì cho vật nuôi.
- ☐ Xây dựng bãi chăn thả dốc và thoát nước.
- ☐ Thường xuyên vệ sinh cơ thể vật nuôi và chuồng nuôi.
- ☐ Che kín chuồng nuôi không để nắng buổi sáng chiếu vào.

4. Nối hình ảnh (cột A) với yêu cầu của chuồng trại nuôi gà (cột B) cho phù hợp.



a



b



c

A
Hình a
Hình b
Hình c

B
Chuồng nuôi hứng được nắng sáng.
Vườn chăn thả có bóng mát cây xanh.
Đặt máng ăn, treo máng uống trong vườn chăn thả.

5. Ghi chữ Đ vào sau mô tả đúng, chữ S sau mô tả sai về yêu cầu của chuồng trại nuôi gà thịt thả vườn.

- a. Nền chuồng phải đảm bảo khô ráo, dễ dọn vệ sinh.
- b. Cửa chuồng nuôi mở ra hướng tây hoặc tây nam.
- c. Thực hiện tiêu độc, khử trùng, vệ sinh chuồng trước khi nuôi gà.
- d. Có đèn thấp sáng để sưởi ấm cho gà vào mùa đông.
- e. Có hệ thống cống rãnh để xử lí chất thải, nước thải.
- f. Sơn tường chuồng nuôi màu trắng.

6. Vườn chăn thả đem lại những ích lợi gì cho đàn gà thịt thả vườn?

- A. Nơi gà nghỉ ngơi, tránh nắng, mưa.
- B. Nơi gà chạy nhảy, vận động.
- C. Nơi gà ăn và uống nước.
- D. Nơi bổ sung thêm chất dinh dưỡng, vitamin cho gà.

7. Liệt kê những công việc có thể làm để giữ vệ sinh cho vườn chăn thả.

.....

.....

.....

8. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước đặc điểm của các giống gà nuôi thả vườn.

- ☐ Dáng đi nặng nề, lạch bạch.
- ☐ Dễ thích nghi với môi trường sống.
- ☐ Màu sắc lông sặc sỡ.
- ☐ Hình thể to lớn, vạm vỡ.
- ☐ Dễ thích nghi với điều kiện khí hậu.
- ☐ Dễ nuôi.

9. Thể trạng của gà con giống ảnh hưởng như thế nào đến quá trình phát triển của đàn gà?

- A. Đàn gà con dễ thích nghi với môi trường sống.
- B. Màu lông của gà không thay đổi.
- C. Đàn gà ít mắc bệnh, phát triển nhanh.
- D. Khả năng tiêu hoá thức ăn của gà tốt.

10. Ghi chữ Đ vào sau ý đúng, chữ S sau ý sai về cách chọn gà con giống.

- a. Đồng đều về khối lượng.
- b. Màu lông sặc sỡ.
- c. Mỏ to, bụng gọn.
- d. Chân to, thẳng.
- e. Mắt sáng.
- f. Dáng đi lạch bạch.

11. Nối giai đoạn sinh trưởng của gà (cột A) với loại thức ăn cung cấp cho gà (cột B) cho phù hợp.

A
Giai đoạn gà con
Giai đoạn gà tơ
Giai đoạn gà thịt

B
Cám, lúa, gạo, rau.
Cám, lúa, gạo, rau, chất đậm.
Loại cám phù hợp với khả năng tiêu hoá của gà.

12. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước mỗi cách làm phù hợp để chăm sóc gà con.

- ☐ Giữ ấm cơ thể.
- ☐ Tập cho gà con ăn sớm.
- ☐ Thường xuyên tắm, chải.
- ☐ Tiêm vaccine phòng bệnh.
- ☐ Tăng thời gian gà con tiếp xúc với ánh nắng.
- ☐ Kết hợp dùng chung máng ăn và máng uống.

13. Điền các từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống cho phù hợp với việc chăm sóc gà thịt thả vườn.

Ở giai đoạn gà con: sử dụng đèn (1) để sưởi ấm, phòng chuột, mèo và kích thích gà ăn được nhiều thức ăn. Khi gà nuôi được 1 tháng tuổi, hằng ngày (2) ra vườn chăn thả vài giờ khi nắng ấm.

Giai đoạn gà tơ và gà thịt: gà lớn dần, có thể (3) thời gian thả ra vườn khi nắng ấm và lựa gà về chuồng trước lúc (4) Thường xuyên (5) chuồng trại, máng ăn, máng uống để tránh vi khuẩn gây bệnh phát triển.

14. Quan sát hình ảnh bên và cho biết người chăn nuôi đang làm công việc gì để phòng bệnh cho gà.

- A. Vệ sinh dụng cụ chăn nuôi.
- B. Tiêm vaccine phòng bệnh cho gà.
- C. Cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho gà.
- D. Tiêu độc, khử trùng chuồng trại chăn nuôi.



15. Quan sát hình ảnh bên và cho biết người chăn nuôi đang làm công việc gì để trị bệnh cho gà.

- A. Tiêm thuốc trị bệnh cho gà.
- B. Cách li riêng những gà bệnh.
- C. Giữ vệ sinh chuồng trại chăn nuôi.
- D. Cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho gà.



16. Hãy cho biết việc phòng bệnh tốt cho đàn gà mang lại lợi ích như thế nào trong chăn nuôi.

.....

.....

.....

17. Hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước bệnh mà gà thường mắc phải.

☐ Nhiễm khuẩn *E. coli*.

☐ Tụ huyết trùng.

☐ Phó thương hàn.

☐ Cầu trùng.

☐ Viêm dạ dày – ruột.

18. Điền các từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống để nêu cách phòng và trị bệnh cho gà thịt thả vườn.

Khi đàn gà nuôi có triệu chứng bệnh, cần (1) cho cán bộ thú y đến khám và điều trị cho đàn gà (2) những gà bệnh và (3) chất dinh dưỡng, vitamin để tăng sức đề kháng cho gà.

Sau khi điều trị bệnh cho gà, cần (4), khử trùng chuồng nuôi và môi trường xung quanh để chống tình trạng gà tái nhiễm bệnh.

19. Tác dụng của việc thả gà ra vườn chăn thả khi mặt trời mọc và lùa gà về chuồng trước lúc mặt trời lặn để

A. tăng cường thêm chất dinh dưỡng cho gà.

B. xương và cơ thể gà rắn chắc hơn.

C. hạn chế tình trạng gà tái nhiễm bệnh sau khi trị bệnh.

D. hoàn thiện chức năng tiêu hoá của gà con.

20. Ghi chữ Đ sau mô tả đúng, chữ S sau mô tả sai về đặc điểm của chuồng nuôi gà hợp vệ sinh.

a. Khô ráo, thoáng mát.

b. Có mái che nắng, mưa.

c. Dễ dọn vệ sinh.

d. Có máng ăn, máng uống.

e. Có sẵn nhiều thức ăn.

f. Chuồng nuôi kín gió, ít ánh sáng.

21. Tại sao cần xây dựng chuồng nuôi gà cách xa khu vực người ở?

A. Để thực hiện tiêm vaccine phòng bệnh cho đàn gà.

B. Giữ vệ sinh môi trường sống cho con người.

C. Có nguồn thức ăn, rau xanh bổ sung cho đàn gà.

D. Có nguồn nước để vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống.

22. Điền các cụm từ sau: *năng lượng, đáp ứng, duy trì, tăng thêm, trọng lượng* vào chỗ trống trong đoạn thông tin dưới đây cho phù hợp.

Ở mỗi giai đoạn sinh trưởng, khi (1) cơ thể gà càng lớn, phải (2) lượng thức ăn hằng ngày, (3) nhu cầu dinh dưỡng và (4) cần thiết để vật nuôi (5) mọi hoạt động sống, sinh trưởng, các quá trình trao đổi chất và các hoạt động chức năng của cơ thể.

23. Tại sao cần tiêu độc, khử trùng chuồng trại sau mỗi đợt nuôi?

- A. Ngăn ngừa và tiêu diệt mầm bệnh phát sinh, tránh lây nhiễm.
- B. Giữ vệ sinh chuồng trại chăn nuôi.
- C. Làm sạch môi trường sống xung quanh.
- D. Tiêu diệt sinh vật có hại cho vật nuôi (muỗi, côn trùng).

ÔN TẬP CHƯƠNG 4 VÀ 5

1. Ghi chữ Đ sau mô tả đúng, chữ S sau mô tả sai về vai trò của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế nước ta.
 - a. Cung cấp thực phẩm cho con người.
 - b. Cung cấp khí oxygen cho con người.
 - c. Cung cấp phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp.
 - d. Cung cấp sức kéo phục vụ tham quan du lịch.
 - e. Giải quyết việc làm cho người lao động.
 - f. Cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp nặng.
2. Ghi chữ Đ vào sau mô tả đúng, chữ S sau mô tả sai về đặc điểm cơ bản của một số nghề phổ biến trong chăn nuôi.
 - a. Nhà chăn nuôi: lên kế hoạch, tổ chức các hoạt động chăn nuôi.
 - b. Bác sĩ thú y: tư vấn về sức khỏe, dinh dưỡng, thức ăn và vệ sinh chăn nuôi.
 - c. Kỹ thuật viên nuôi trồng thủy sản: theo dõi thông số môi trường nước.
 - d. Lao động chăn nuôi: thực hiện các hoạt động chăn nuôi.
 - e. Nhà tư vấn nuôi trồng thủy sản: nuôi dưỡng, chăm sóc cho thủy sản.

3. Ghi chữ Đ vào sau mô tả đúng, chữ S sau mô tả sai về triển vọng phát triển của ngành chăn nuôi ở Việt Nam.
- a. Liên kết giữa các khâu chăn nuôi, giết mổ và phân phối.
 - b. Người chăn nuôi tự sản xuất thức ăn cho vật nuôi.
 - c. Chăn nuôi hữu cơ.
 - d. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá chăn nuôi.
 - e. Xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi.
 - f. Chăn nuôi nông hộ.

4. Đánh dấu (✓) vào ô phù hợp để xác định ưu điểm của mỗi phương thức chăn nuôi.

Ưu điểm	Phương thức chăn nuôi		
	Chăn thả	Nuôi nhốt	Bán chăn thả
Vật nuôi ít mắc bệnh, dễ nuôi.			
Kiểm soát được dịch, bệnh ở vật nuôi.			
Chuồng trại chăn nuôi đơn giản.			
Chủ yếu sử dụng nguồn thức ăn tự nhiên.			

5. Đánh dấu (✓) vào ô xác định nhược điểm của mỗi phương thức chăn nuôi.

Nhược điểm	Phương thức chăn nuôi		
	Chăn thả	Nuôi nhốt	Bán chăn thả
Vật nuôi chậm lớn, thời gian nuôi dưỡng bị kéo dài.			
Đòi hỏi quy mô hiện đại của chuồng trại chăn nuôi.			
Tốn kém chi phí về thức ăn cho vật nuôi.			
Bệnh dễ lây lan thành dịch khi vật nuôi mắc bệnh.			

6. Chăn nuôi vật nuôi được giống nhằm mục đích gì?
- A. Đàn con đời sau có tỉ lệ sống cao.
 - B. Vật nuôi có khả năng phối giống cao.
 - C. Tránh phát sinh các bệnh về hô hấp, tiêu hoá ở vật nuôi con.
 - D. Đàn con đời sau có cân nặng đồng đều.

7. Điền các cụm từ sau: *vận động, vitamin, tiêm phòng, năng lượng* vào đoạn thông tin mô tả biện pháp chăn nuôi vật nuôi được giống dưới đây cho phù hợp:

Để cơ thể vật nuôi được giống khoẻ mạnh và có thể trạng tốt, vật nuôi cần được cung cấp thức ăn đủ (1) , protein, (2) và chất khoáng; cho vật nuôi (3) hằng ngày; đảm bảo vệ sinh và (4) bệnh theo định kì.

8. Những vấn đề cần phải chú ý khi nuôi dưỡng vật nuôi cái sinh sản là

- A. thức ăn đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng.
- B. bổ sung zinc, manganese, iodine vào thức ăn.
- C. nguồn gốc của thức ăn cung cấp cho vật nuôi.
- D. nguồn nước cung cấp cho vật nuôi.

9. Ghi chữ Đ vào sau các mô tả đúng, chữ S vào sau các mô tả sai về yêu cầu vệ sinh trong chăn nuôi.

- a. Khí hậu trong chuồng nuôi thích hợp.
- b. Cửa chuồng nuôi hướng tây, chuồng nuôi kín gió.
- c. Thường xuyên tắm, chải cho vật nuôi.
- d. Thức ăn, nước uống đảm bảo vệ sinh.
- e. Xử lí phân, rác thải chăn nuôi.
- f. Máng ăn, máng uống của vật nuôi có màu trắng.

10. Hãy đánh dấu (✓) vào các ô ☐ trước vai trò của việc cung cấp đủ các chất dinh dưỡng trong thời gian vật nuôi cái mang thai.

- ☐ Đàn vật nuôi con được cung cấp đủ sữa có chất lượng tốt từ cơ thể mẹ.
- ☐ Chức năng hệ tiêu hoá của vật nuôi con hoàn chỉnh.
- ☐ Vật nuôi con khoẻ mạnh, phát triển tốt từ khi còn trong bụng mẹ.
- ☐ Khả năng điều tiết thân nhiệt của vật nuôi con tốt.
- ☐ Vật nuôi con thích nghi nhanh với điều kiện môi trường.

11. Hãy đánh dấu (✓) vào các ô ☐ trước vai trò của chuồng nuôi gà thịt thả vườn.

- ☐ Chuồng nuôi che nắng, che mưa cho đàn gà.
- ☐ Chuồng nuôi giúp đàn gà hạn chế tiếp xúc với mầm bệnh.
- ☐ Chuồng nuôi giúp việc thực hiện quy trình chăn nuôi gà khoa học.
- ☐ Chuồng nuôi giúp quản lí tốt đàn gà.

- ☐ Chuồng nuôi góp phần nâng cao năng suất chăn nuôi gà.
- ☐ Chuồng nuôi giữ an toàn cho đàn gà tránh thú hoang hoặc thú nuôi xâm nhập.

12. Thế nào là chuồng nuôi gà hợp vệ sinh?

- A. Tường chuồng nuôi gà được sơn màu xanh.
- B. Chuồng nuôi gà được xây bằng gạch, mái lợp ngói.
- C. Chuồng nuôi gà sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, đủ ánh sáng.
- D. Trong chuồng nuôi gà có bóng đèn sưởi ấm cho gà.

13. Hãy đánh dấu (✓) vào các ô ☐ trước biện pháp hợp lí khi nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt thả vườn ở giai đoạn gà con.

- ☐ Vệ sinh khay ăn của gà mỗi ngày trước khi rải đều cám lên khay ăn.
- ☐ Trộn lúa, gạo và rau vào trong cám cho gà con ăn.
- ☐ Thay nước trong máng uống của gà con khoảng 2 – 3 lần/ngày.
- ☐ Bổ sung thêm thức ăn giàu chất đạm, rau xanh cho gà con.
- ☐ Sử dụng đèn thấp sáng để sưởi ấm cho gà con.
- ☐ Thả gà con ra vườn khi nắng ấm và lứa về chuồng trước lúc mặt trời lặn.

14. Nối công tác phòng bệnh và chữa bệnh (cột A) với các tác động và ảnh hưởng (cột B) cho phù hợp.

A	B
Thực hiện phòng bệnh tốt	Tốn chi phí chữa bệnh, tốn sức lao động để chăm sóc vật nuôi bị bệnh.
Chữa bệnh	Sức đề kháng kém, vật nuôi dễ mắc bệnh, phát triển kém.
Không thực hiện phòng bệnh	Vật nuôi khoẻ mạnh, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

Chương 6. NUÔI THỦY SẢN

Bài 12. NGÀNH THỦY SẢN Ở VIỆT NAM

1. Em hãy điền vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam vào mỗi hình minh họa dưới đây.



a.



b.



c.



d.



e.

2. Vì sao nói nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành nuôi thủy sản?
- Nước ta có bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn.
 - Nước ta có nhiều giống thủy sản mới, lạ.
 - Nước ta có diện tích trồng lúa bao phủ khắp cả nước.
 - Người dân nước ta cần cù, chịu khó, ham học hỏi.
3. Ở nước ta, tỉnh nào nuôi tôm nhiều?
- Tỉnh Cà Mau.
 - Tỉnh Quảng Ninh.
 - Tỉnh Quảng Nam.
 - Tỉnh Đồng Nai.

4. Cá tra được nuôi nhiều ở tỉnh nào?
- A. Tỉnh Thanh Hoá. B. Tỉnh An Giang.
C. Tỉnh Hải Dương. D. Tỉnh Bình Định.
5. Đặc điểm sinh trưởng của cá tra như thế nào?
- A. Cá tra là cá nước ngọt, thuộc họ cá da trơn, chịu được lượng oxygen thấp, có thể sống ở vùng nước lợ hay nước phèn có độ pH trên 5,5 và nhiệt độ từ 25 – 32 °C nên được nuôi với mật độ cao trong ao đất hoặc lồng, bè.
- B. Cá tra là loài cá biển, được nuôi nhiều trên các lồng trên biển và chịu được nước biển có độ mặn cao.
- C. Cá tra là loại cá da trơn, chịu được lượng oxygen cao, môi trường sống là nước ngọt, nước lợ và chịu được nhiệt độ thấp từ 12 – 18 °C nên cá tra nên được nuôi nhiều ở vùng cao nguyên.
- D. Cá tra là cá nước lợ, da có vảy, chịu được nhiệt độ cao, được nuôi trong các lồng, bè ở các vùng nước mặn.
6. Khu vực nào ở nước ta nuôi cá tra, cá ba sa để xuất khẩu?
- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng Nam Trung Bộ. D. Tất cả các câu trên đều đúng.
7. Quan sát hình ảnh và hoàn thành bảng bên dưới về đối tượng nuôi và môi trường, đặc điểm sống của các loài trong mỗi hình.



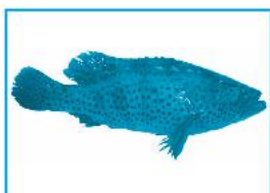
a



b



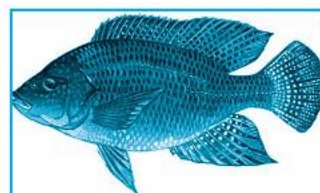
c



d



e



f

Hình	Đối tượng nuôi	Môi trường, đặc điểm sống
a		
b		
c		
d		
e		
f		

8. Đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước những nội dung **không** đúng về vai trò của ngành nuôi thủy sản đối với nền kinh tế nước ta.

- ☐ Góp phần đáp ứng nhu cầu về thực phẩm của con người.
- ☐ Góp phần cải thiện đời sống cho người lao động.
- ☐ Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.
- ☐ Tận dụng được nguồn thức ăn trong thiên nhiên và thức ăn thừa của con người.
- ☐ Tạo nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp chế biến thực phẩm, công nghiệp chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác.
- ☐ Nuôi thủy sản có thể tạo đà cho phát triển ngành trồng trọt và chăn nuôi.
- ☐ Góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia.

9. Việc nuôi thủy sản có giá trị kinh tế đem lại lợi ích như thế nào? Hãy đánh dấu (✓) vào ô đúng hoặc không đúng cho phù hợp.

STT	Lợi ích	Đúng	Không đúng
1	Đem lại nguồn thu ngoại tệ cho địa phương và quốc gia.		
2	Tận dụng được tài nguyên mặt nước ở địa phương.		
3	Tận dụng được các nguồn thức ăn tự nhiên ở ruộng lúa, ao, hồ, sông ngòi.		
4	Làm cho các loài tôm, cá ngày càng đa dạng, phong phú về chủng loại.		
5	Giảm bớt sự ô nhiễm môi trường.		
6	Tạo được việc làm cho nhiều lao động ở địa phương.		
7	Đem lại lợi nhuận cao cho người nuôi thủy sản.		

10. Địa phương em có lợi thế nào về nuôi thủy sản? Em hãy đề xuất biện pháp để phát huy những lợi thế đó.

.....

.....

.....

.....

Bài 13. QUY TRÌNH KỸ THUẬT NUÔI THỦY SẢN

1. Quan sát hình ảnh và hoàn thành bảng bên dưới về tên và mô tả của các hình thức nuôi thủy sản phổ biến ở nước ta hiện nay.



a



b



c



d

Hình	Tên hình thức nuôi	Mô tả hình thức nuôi thủy sản
a		
b		
c		
d		

2. Em hãy cho biết để nâng cao chất lượng của nước nuôi tôm, cá, người nuôi thủy sản cần phải làm gì.

.....

.....

.....

3. Trong nước nuôi thủy sản có những loại vi sinh vật nào? Cho ví dụ cụ thể của từng loại.

.....

- Tình trạng, chất lượng ao nuôi được thể hiện qua màu sắc của nước. Trong nuôi thủy sản, màu nước nào là tốt nhất?
 - Màu nâu đen.
 - Màu vàng cam.
 - Màu xanh rêu.
 - Màu xanh lục hoặc vàng lục.
- Việc vệ sinh, xử lý ao nuôi trước khi cho nước sạch vào để nuôi tôm, cá có tác dụng gì?
 - Làm tăng chất lượng thức ăn trong ao nuôi.
 - Diệt trừ vi khuẩn gây hại, phòng bệnh cho tôm, cá.
 - Làm giảm độ chua (pH) của nước trong ao nuôi.
 - Giảm hiện tượng thiếu oxygen trong nước.
- Cho tôm, cá ăn như thế nào để tránh lãng phí thức ăn và không gây ô nhiễm môi trường nuôi?
 - Cho lượng thức ăn ít.
 - Cho lượng thức ăn nhiều.
 - Cho lượng thức ăn vừa đủ, cho ăn nhiều lần và theo quy định.
 - Phối hợp nhiều loại thức ăn và phối hợp bón phân hữu cơ vào ao.
- Khi quản lý ao nuôi, cần phải làm những công việc gì?
 - Dọn ao sạch sẽ để tiêu diệt những loài vi sinh vật gây hại cho tôm, cá nuôi.
 - Đắp bờ ao và trồng cây xanh xung quanh ao nuôi tôm, cá.
 - Thường xuyên kiểm tra bờ, cống, màu nước, lượng thức ăn, hoạt động của tôm, cá để xử lý những hiện tượng bất thường.
 - Thường xuyên cung cấp và cho ăn nhiều loại thức ăn.
- Làm thế nào để phòng bệnh cho tôm, cá nuôi?
 - Cải tạo, xử lý tốt ao nuôi trước khi thả con giống tôm, cá và cho ăn đúng kỹ thuật.
 - Cho tôm, cá ăn nhiều thức ăn tinh, thức ăn giàu đạm để tăng sức đề kháng.
 - Bổ sung nhiều thực vật thủy sinh vào ao nuôi tôm, cá.
 - Xử lý kịp thời những hiện tượng bất thường trong ao nuôi.

9. Thường xuyên tạo sự chuyển động của nước trong ao, đầm nuôi tôm có ảnh hưởng đến tính chất nào của nước?
- Độ trong của nước.
 - Lượng khí oxygen hoà tan trong nước.
 - Nhiệt độ của nước.
 - Muối hoà tan trong nước.
10. Bón phân hữu cơ vào ao trước khi thả tôm, cá có ảnh hưởng đến tính chất nào của nước?
- Các muối hoà tan trong nước.
 - Độ pH của nước.
 - Nhiệt độ của nước.
 - Các khí hoà tan trong nước.
11. Nếu như đang nuôi tôm, cá mà môi trường nước bị ô nhiễm thì phải xử lý như thế nào?
- Ngừng cho ăn, tăng cường sục khí.
 - Tháo nước cũ, thay bằng nước sạch.
 - Cả A và B đều đúng.
 - Cả A và B đều sai.
12. Muốn nuôi tôm, cá đạt năng suất cao, tránh được dịch bệnh cần phải làm thế nào?
- Thực hiện đầy đủ các biện pháp cải tạo ao như: xử lý nguồn nước; chọn giống tốt; cho ăn đúng kĩ thuật; quản lí, chăm sóc và phòng, trị bệnh tốt cho tôm, cá nuôi.
 - Chỉ cần cho ăn đúng kĩ thuật.
 - Chỉ cần quản lí, chăm sóc tốt.
 - Chỉ cần cải tạo ao và xử lí tốt nguồn nước trước khi thả giống.
13. Làm thế nào để nuôi tôm, cá đạt hiệu quả? Đánh dấu (✓) vào ô đúng hoặc không đúng cho phù hợp.

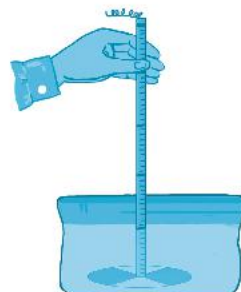
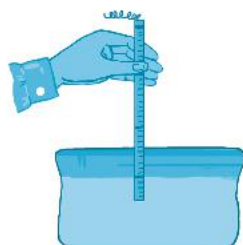
STT	Hoạt động	Đúng	Không đúng
1	Tìm hiểu môi trường nuôi, thức ăn, kĩ thuật nuôi trước khi quyết định nuôi tôm, cá.		

2	Thức ăn phải cân đối thành phần, đủ chất dinh dưỡng. Cho ăn đúng giờ, đúng số lượng, đúng chất lượng và đúng vị trí cho ăn.		
3	Chỉ cần biết rõ giá trị kinh tế của tôm là quyết định đầu tư nuôi ở gia đình, địa phương.		
4	Trên cùng một ao kết hợp cùng thả nhiều loại tôm và cá.		
5	Phòng bệnh cho tôm, cá bằng cách cải tạo ao, xử lí nguồn nước, quản lí, cho ăn đúng kĩ thuật.		
6	Đưa các tiến bộ kĩ thuật vào: sản xuất giống, thức ăn, phòng trừ dịch bệnh cho thủy sản.		
7	Bồi dưỡng kiến thức về kĩ thuật nuôi thủy sản cho người lao động.		

14. Hãy mô tả thao tác kĩ thuật trong quy trình đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản thể hiện trong mỗi hình.



.....
Chân trời sáng tạo



.....

15. Điền cụm từ thích hợp dưới đây vào chỗ trống.

giai đoạn sinh trưởng; xử lý đáy ao; hiệu quả thấp; giúp tôm, cá khỏe mạnh; có hai phương pháp; hoạt động; đủ chất dinh dưỡng; gây màu nước; kiểm tra; phòng là chính.

- Trước khi nuôi tôm, cá cần phải làm khô ao, (1), xử lý nguồn nước và (2)
- Cho tôm, cá ăn nhằm (3), lớn nhanh. Thức ăn nuôi thủy sản phải cân đối thành phần và (4) theo nhu cầu của từng vật nuôi, từng (5)
- Thường xuyên (6) màu nước của ao, thức ăn và (7) bơi lội của tôm, cá.
- Trong quản lý, thực hiện phương châm (8) vì khi tôm, cá bị bệnh, việc chữa trị khó và (9)
- Khi thu hoạch, (10) là thu hoạch toàn bộ và thu hoạch từng phần.

16. Để nuôi thủy sản đạt hiệu quả cao, cần phải làm gì?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Chân trời sáng tạo

BÀI 14. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

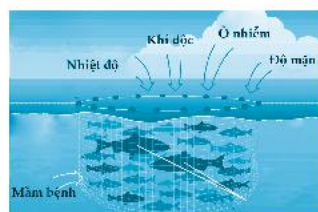
1. Nối hình ảnh (cột A) với nguyên nhân làm ảnh hưởng môi trường và nguồn lợi thủy sản (cột B) cho phù hợp.



a



b



c

A	B
Hình a	Biến đổi khí hậu gia tăng mầm bệnh trong nuôi thủy sản.
Hình b	Ô nhiễm môi trường nước làm cá chết.
Hình c	Đánh bắt hủy diệt bằng xung điện.

2. Điền cụm từ thích hợp dưới đây vào chỗ trống.

ô nhiễm môi trường, khai thác, thủy sản quý hiếm, giảm sút, ô nhiễm trầm trọng, kinh tế, ngư dân, bảo vệ, đánh bắt hủy diệt, rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn.

- Sản lượng (1) nhiều loại thủy sản đang bị (2) nghiêm trọng.
- Môi trường sinh thái biển đang đứng trước nguy cơ bị (3)
- Sự suy giảm hệ sinh thái biển đã có những tác động không nhỏ đến kế hoạch phát triển (4) của đất nước cũng như nguồn lợi khai thác thủy sản của cộng đồng (5) ven biển.
- Những nguyên nhân chủ yếu gây ra sự suy giảm hệ sinh thái biển là do (6), tình trạng (7) ngày càng gia tăng, phá hoại (8) và (9)
- Một số biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản: thả các loài (10) vào môi trường nước để tăng nguồn lợi, ngăn

chặn giảm sút trữ lượng; tăng cường (11) và phục hồi các hệ sinh thái biển.

3. Chúng ta cần phải bảo vệ nguồn lợi thủy sản vì:

.....

.....

.....

.....

.....

4. Biện pháp nào dưới đây **không** làm giảm bớt sự nguy hại cho thủy sản và cho con người?

- A. Mở rộng khu nuôi để giảm nồng độ ô nhiễm.
- B. Ngăn cấm các hành động hủy hoại các loài sinh cảnh đặc trưng.
- C. Quy định nồng độ tối đa các hoá chất, chất độc có trong môi trường thủy sản.
- D. Sử dụng phân hữu cơ đã ủ, phân vi sinh, thuốc trừ sâu hợp lí.

5. Những nguyên nhân nào gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và nguồn lợi thủy sản?

- A. Cải tiến công nghệ, cải tiến con giống, nâng cao năng suất nuôi thủy sản.
- B. Xây dựng các công trình thủy lợi, cung cấp nước cho nuôi thủy sản.
- C. Phá hoại rừng đầu nguồn, đánh bắt hủy diệt, nuôi không đúng kĩ thuật.
- D. Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người nuôi thủy sản.

6. Muốn khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản hợp lí, cần tiến hành thực hiện biện pháp gì?

- A. Tận dụng tối đa diện tích mặt nước nuôi thủy sản, có biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- B. Cải tiến và nâng cao các biện pháp nuôi thủy sản.
- C. Chọn nuôi những loại thủy sản có tốc độ lớn nhanh, hệ số thức ăn thấp.
- D. Làm tăng nguồn thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, có lợi cho sức khỏe cộng đồng.

7. Môi trường nước bị ô nhiễm là do những nguyên nhân nào?

- A. Các nguồn lợi thủy sản bị khai thác triệt để.
- B. Nước thải công nghiệp, nông nghiệp không xử lí đổ ra ao, hồ, kênh rạch.

- C. Tạo nguồn nguyên liệu cho chế biến các mặt hàng thực phẩm.
D. Tăng xuất khẩu, tạo nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

8. Em hãy đánh dấu (✓) vào ô ☐ trước các công việc em có thể làm để bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

- ☐ Tham gia phong trào “Thả cá bản địa” ở địa phương.
☐ Có ý thức bảo vệ môi trường, không xả rác bừa bãi.
☐ Tự do đổ rác xuống các kênh, rạch.
☐ Tuyên truyền bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.
☐ Ngăn cản những hành động đánh bắt hủy diệt như dùng xung điện, chất nổ.

9. Em hãy kể tên những hoạt động bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản ở nước ta hiện nay.

.....

.....

.....

.....

.....

10. Hãy đề xuất những biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản ở địa phương em.

.....

.....

.....

.....

ÔN TẬP CHƯƠNG 6

1. Em hãy nêu tóm tắt đặc điểm của nước nuôi thủy sản.

.....

.....

.....

.....

2. Trình bày sự khác nhau giữa thức ăn nhân tạo, thức ăn tự nhiên và thức ăn viên tổng hợp dùng trong nuôi tôm và cá.

.....

.....

.....

.....

3. Để chăm sóc và quản lí ao nuôi tôm, cá, ta cần thực hiện những biện pháp gì?
– Chăm sóc tôm, cá:

.....

.....

.....

.....

.....

– Quản lí:

.....

.....

.....

.....

4. Điền cụm từ thích hợp dưới đây vào chỗ trống.

có giá trị kinh tế cao nhất; có mùi, vị thơm; xuất khẩu nhiều nhất; tôm càng xanh; tôm sú; tăng trọng nhanh; cân đối dinh dưỡng.

Tôm là loài thủy sản được (1) và (2)
 trong các loại thủy sản được nuôi ở nước ta. Thịt tôm chắc;
 (3), ngon, ngọt đặc biệt; hàm lượng dinh dưỡng cao, nhất
 là chất đạm dễ tiêu hoá; hàm lượng mỡ thấp và giàu chất khoáng. Có
 bốn giống tôm được nuôi nhiều nhất là (4), tôm hùm,
 (5) và tôm thẻ chân trắng. Tôm có đặc điểm sinh học là loài
 ăn tạp, (6) Khi nuôi tôm nên dùng thức ăn viên
 công nghiệp, thức ăn phải (7) và phù hợp với nhu
 cầu dinh dưỡng từng giai đoạn nuôi.

5. Hoạt động nào dưới đây **không** gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và nguồn lợi thủy sản?
 - A. Khai thác với cường độ cao, mang tính hủy diệt.
 - B. Phá hoại rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn.
 - C. Nuôi không đúng kĩ thuật, ô nhiễm môi trường nước.
 - D. Tận dụng được đất đai nông nghiệp ở địa phương.
6. Quy trình công nghệ nuôi tôm, cá được tiến hành qua mấy bước?
 - A. Ba bước.
 - B. Bốn bước.
 - C. Năm bước.
 - D. Sáu bước.
7. Bột cá được dùng làm thức ăn nuôi thủy sản. Bột cá thuộc nhóm thức ăn nào?
 - A. Giàu protein.
 - B. Giàu chất khoáng.
 - C. Giàu chất béo.
 - D. Giàu glucid.
8. Em hãy nêu một số biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái mà địa phương em đang thực hiện.

.....

.....

.....

.....

.....

9. Hãy sắp xếp kí hiệu các hình ảnh sau vào hành động thích hợp và giải thích tác động của từng hành động vào bảng bên dưới.



a



b



c



d

Hình	Hành động	Tác động
	Xả nước thải chưa xử lí ra ao nuôi.	
	Xử lí bao bì thuốc bảo vệ thực vật không đúng cách.	
	Thả cá bản địa ra sông.	
	Dọn rác làm sạch môi trường nước.	

10. Đề xuất và điền vào bảng dưới đây những việc nên làm/không nên làm để bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

TT	Việc nên làm	Việc không nên làm

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng,
trích dẫn trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: HOÀNG THỊ NGÀ

Thiết kế sách: BÙI THỊ NGỌC LAN

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: NGUYỄN ÁNH LINH – HOÀNG THỊ NGÀ

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

BÀI TẬP CÔNG NGHỆ 7

Mã số: G2BH7C001M22

In bản, (QĐ) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/11-397/GD

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số: 978-604-0-31970-8



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ BÀI TẬP LỚP 7 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Bài tập NGỮ VĂN 7, TẬP MỘT
2. Bài tập NGỮ VĂN 7, TẬP HAI
3. Bài tập TOÁN 7, TẬP MỘT
4. Bài tập TOÁN 7, TẬP HAI
5. TIẾNG ANH 7
Friends Plus - Workbook
6. Bài tập GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7
7. Bài tập LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 (PHẦN LỊCH SỬ)
8. Bài tập LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 (PHẦN ĐỊA LÍ)
9. Bài tập KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7
10. Bài tập CÔNG NGHỆ 7
11. Bài tập TIN HỌC 7
12. Bài tập ÂM NHẠC 7
13. Bài tập MĨ THUẬT 7 (BẢN 1)
14. Bài tập MĨ THUẬT 7 (BẢN 2)
15. Bài tập HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 1)
16. Bài tập HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 2)

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-31970-8



9 786040 319708

Giá: 12.000 đ